KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY (Itivuttaka)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 1 (VNC PHVN, 2021)

KINH PHẬT THUYẾT NHƯVẬY (Itivuttaka)

Dịch giả Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH PHẬT THUYẾT NHỮ VẬY CỦA HÒA THỮỢNG THÍCH MINH CHẨU

T Itỉvuttaka (Kinh Thuyêt như vậy), thuộc bộ Khuddaka Nỉkãya (Kinh Tiểu bộ) gồm có 112 kinh với các bài kệ, chia thành 4 chương: Chương một pháp, chương hai pháp, chương ba pháp, chương bốn pháp. Như vậy là sự phân loại các đề tài theo pháp số, như kiểu tập Kỉnh Tăng chỉ bộ. Sở dĩ được gọi là ^Itivuttaka" (Thuyết như vẩy) là vì phần lớn các kinh này đều bắt đầu với câu: uĐiều này đã được Thế Tôn nói đen, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã r / r f được nghe", và được kêt luận với câu: "Y nghĩa này được Thê Tôn nói đên và tôi đã được nghe.” Có một số kinh ở chặng giữa không có các câu mở đầu và câu kết như thế này, nhưng đến các kinh cuối lại được ghi trở lại. Theo truyên thông, như đã được ghi trong Tập sớ được xem là của Tôn giả Dhammapãla, Khụjjuttarã, một nữ cư sĩ thường đi nghe Thế Tôn thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo, nàng ngồi sau lưng một bức màn, trở thành một bậc đa văn, nghe nhiêu, giỏi vê Chánh pháp và giỏi vê trí tuệ. Nàng được nội cung của Vua Udena yêu cầu nói lại những điều đã được nghe, và sau khi nghe, học thuộc lòng những điều đã được nghe. Nàng được Thế Tôn khen và gọi là Đa văn đệ nhất. Theo truyên thông, chính tập Itỉvuttaka này, nàng đã được nghe và truyên tụng lại. Tập sớ có ghi rằng chúng Tỷ-kheo cũng học thuộc lòng tập kinh này, và Tôn giả Ãnanda đã đọc lại bộ kinh trong kỳ kết tập thứ nhất ở Rặjagaha (Vương Xá). r , Các kinh ở chương uBôn pháp" dài hơn và khồng có kinh Hán tạng tương đương, được xem là ghi chép vê sau, một sô kinh trong tập này được tìm thây trong Kinh Tăng chỉ bộ và Puggalapannatti (Nhân chế định). về phương diện nội dung, tập Itivuttaka không đề cập tới đời sống đức Phật, đời sống các đại đệ tử của đức Phật như chúng ta được thấy trong tập Udãna (Phật tự thuyêt). Tập này chú trọng nhiêu hơn đên phân giáo lý căn bản, định nghĩa những pháp số, phân loại theo 4 chương: Một pháp, hai pháp, ba pháp, bốn pháp. Nói một cách khác, một số đề tài đã được lựa chọn, định nghĩa, giải thích một cách ngắn gọn để các đệ tử có thể tìm hiểu, học thuộc lòng và năm giữ được phân căn bản trong giáo lý của đức Phật. Kinh này không đề cập đến Abhỉdhamma (Thắngphảp), không đề cập đến các Chuyện Tiên thân ụãtakà), như vậy kinh này không thuộc vê văn học

Abhỉdhamma và văn học Jataka, hai văn học này chỉ được bắt nguôn, kêt thành trong giai đoạn thứ hai là giai đoạn các học phái, từ khoảng 300 năm đến 100 năm trước kỷ nguyên. Kinh này cũng không năm trong giai đoạn phát triên thứ ba là thời hưng khởi của Đại thừa (100 năm trước kỷ nguyên đến 100 năm sau kỷ nguyên). Như vậy, kinh này nằm trong giai đoạn đạo Phật nguyên thủy khoảng 450 năm đến 350 năm trước kỷ

nguyên, khi lời dạy của đức Phật chưa bị pha trộn, xen lẫn bởi những phát triển về sau. Nói vê đức Phật hiện tại và rộng hơn nữa, nói vê Như Lai (Tathãgata), chúng ta sẽ thấy đức Phật chưa được thần thánh hóa, chưa dùng thần thông để hóa độ chúng sanh. Như Lai được diễn tả như một bậc đã giác ngộ thế giới: Thế giới tập khởi, thê giới đoạn diệt, con đường đưa đên thê giới đoạn diệt. 4tNày các Tỷ-kheo, thê giới được Như Lai chánh đăng giác. Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đăng giác. Thê giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, thê giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác; con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai đã tu tập. Cái gì, này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm nhập Niết-bàn, không có dư y, trong thời gian ấy điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được, do vậy được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, trong toàn thê thê giới, thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Chiến Thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai.,, (It. IV. §13) Hình ảnh Như Lai là vậy, hình ảnh Thế Tôn không có khác hơn, ở đây Thế Tôn tượng trưng cho Pháp, và những ai thây Pháp người ây mới gân Thê Tôn, như It. III. V. §3 nêu rõ: “Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viền y Tăng-già-lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng tham sâu dày, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp, do không thấy Pháp nên không thấy Ta. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ- kheo sống xa đến 100 do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với

lòng tham không sắc sảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhât tâm, các căn được chê ngự, vị ây gân hăn Ta và Ta gần vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp, do thấy Pháp nên thấy Ta." Trong It. IV. §1, chính đức Phật tự tả mình như sau: tcNày các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, Người được đên yêu câu (yãcayogo), tay luôn luôn thanh tịnh (payatapãni), mang thân cuối cùng (antỉmadehadharo)^ Vô thượng y sĩ chữa trị (Anuttaro Bhisakko), Y sĩ giải phẫu (Salỉakattă). Các ngươi thật là con của Ta, từ miệng sanh, từ pháp sanh, từ pháp tạo thành, thừa tự pháp, không thừa tự tài vật!,, Đức Phật tự xưng là "Y sĩ chữa trj", tự xưng là "Y sĩ giải phẫu.,, Ngài xem các đệ tử như con của Ngài "từ miệng sanh", "từ pháp sanh", là những con cháu "thừa tự ph4p", đâu đâu cũng thấy vai trò trọng yếu của Chánh pháp, vì đức Phật là tượng trưng cho Pháp, từ miệng mình thuyết pháp độ chúng sanh. Rõ hơn nữa là sự xác nhận hai loại thuyêt pháp của đức Phật, như It. IL II.

§2 đã nêu rõ: UCÓ hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Dẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. The nào là hai? Hãy thấy ác là ác, đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thây ác là ác, ở đây hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly, đây là thuyết pháp thứ hai.' Đức Phật đã là đức Phật nguyên thủy, thời mục đích của sự tu hành, sự cứu cánh của Phạm hạnh và mục tiêu giải thoát giác ngộ là những mục tiêu trung thành với giáo pháp chánh thông nguyên thủy. Mục đích của đạo Phật là giải quyết vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, tức là chấm dứt sự đau khổ cho con người. Và đoạn kinh sau đây xác chứng lẳng sự đau khổ có thể được chấm dứt và trạng thái đau khổ được chấm dứt là Niết-bàn. Dưới đây là định nghĩa của Niết-bàn ấy trong It. II. II. §7: 4'Này các Tỷ-kheo, có hai Niết-bàn giới này. Thế nào là hai? Niết-bàn giới có dư y và Niêt-bàn giới không có dư y. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuông, đã đạt được mục đích, hữu kiêt sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại. Ngang qua các căn ây, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý, vì răng tự ngã không có thương hại nên cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới có dư y. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối với vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lăng dịu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niêt- bàn giới không có dư y."

Một kinh nữa, It. IL II. §6 xác nhận sự hiện diện của trạng thái giải thoát này ngay trong đời hiện tại, có mặt trên quả đất này: uNày các Tỷ-kheo, có hai cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các Tỷ- kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thời ở đây không có thê trình bày sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì, này các Tỷ-kheo, có cái khồng sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thê trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra." Ở đây, có hai nhận xét quan trọng. Đức Phật khi nhập Niết-bàn có dư y ở Kusinãra, không phải là mất hẳn, tiêu diệt hoàn toàn, vì như vậy là theo thuyết 4tĐoạn diet", đạo Phật không chấp nhận. Ở đây, tham sân si không còn, lạc thọ khổ thọ không khởi lên, mọi cảm thọ đều lắng dịu, mát lạnh, thanh lương. Nhận xét quan trọng thứ hai là sự đau khổ có thể đoạn diệt ngay trong đời sống hiện tại với những vị đã chứng quảA-la-hán. Và dầu chưa chứng được quảA-la-hán, nếu hành trì theo lời Phật dạy thời có thể đoạn trừ dần dần các sự khổ đau. Vấn đề quan trọng thứ hai, mục đích giải thoát và giác ngộ là những pháp môn giúp người tu hành đạt đên mục đích đoạn tận khồ đau. Chúng ta sẽ thây pháp môn tuy nhiều, nhưng không bao giờ ra ngoài pháp môn Giới Định Tuệ, pháp môn duy nhât đê đưa người hành trì đoạn tận khô đau. “Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có giới tốt lành (kaỉyãnasĩlo), có pháp tốt lành (kalyãnadhammo), có tuệ tốt lành (kalyanapanno), được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo (kevaĩĩ). Này các Tỷ-kheo, thế nào là có giới tốt lành? Ở đây, nàỵ các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống

chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkha), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành. Và thế nào là có pháp tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chuyên chú tu tập bảy pháp giác chi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành. Và thế nào là có tuệ tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do diệt trừ các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành. Như vậy, một Tỷ-kheo có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo.,, (It. III. V. §8) Cũng theo chiêu hướng trên, ba hình ảnh được phát họa diên tả ba hạng người, tùy theo mức độ đối trị với dục và hữu: 4íNày các Tỷ-kheo, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, là

những bậc đến lại, đi đến lại, có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các Tỷ-kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ấy là hạng Bất lai, không trở lui lại, có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là những bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc.,, (It. III. V. §7) Tiếp theo là một số phương pháp tu học, một nếp sống đưa đến hai quả là Chánh trí hay nêu có dư y thời được quả Bât lai, những quả cao nhât trong con đường tu hành, nghĩa là đoạn tận được khổ đau. t4Này các Tỷ-kheo, hãy sống ưa muốn ẩn dật thiền tịnh, thích thú ẩn dật thiền tịnh, chuyên chú nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống...(It. IL II. §8) t4Này các Tỷ-kheo, hãy an trú vào lợi ích của học tập, cho trí tuệ tôi thượng, cho lõi cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng..(It. IL II. §9) 4'Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống cảnh giác, chánh niệm, tỉnh giác, thiền định, hoan hỷ, tín thành, và ở đây, quán tri đúng thời trong các pháp thiện..? (À II. II. §10) Những vị thực hành theo pháp môn này thời có hy vọng đoạn trừ được khổ đau. Đức Phật còn dạy các Tỷ-kheo làm thê nào đê đôi trị ba cảm thọ: Lạc thọ, khô thọ, bât khô bât lạc thọ:4'Này các Tỷ-kheo, lạc thọ cân phải được xem như là khô. Khô thọ cân phải được xem như là mũi tên. Bât khô bât lạc thọ cân phải được xem như là vô thường. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải tỏa kiêt sử, đã chơn chánh thăng tri mạn, đã đoạn tận khô dau.” (It. III. I. §4) "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cân phải quán sát một cách như thê nào, như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng; tâm không trú trước nội trân, không châp thủ, không bị khủng bố; sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.,, (It. III. V. §5) 4'Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: 'Đây là khổ\ không như thật quán tri: 4Đây là khổ tập,, không như thật quán tri: 'Dây là khổ diệf, khồng như thật quán tri: 'Đây là con đường đưa đến khổ diệf; những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được Ta chấp nhận là Sa-môn

trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

198 KINH TIÈU Bộ _____

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo như thật quán tri: 4Đây là khổ\ như thật quán tri: 'Bây là khổ tap', như thật quán tri: 'Đây là khổ diệf, như thật quán tri: 'Đây là con đường đưa đến khổ diet', thời này các Tỷ- kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-mồn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ây ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh" (It. IV. §4). (Lời Giới thiệu Kinh Phật thuyết như vậy, năm 1978 và 1982)

DAN LUẬN KINH PHẶT THUYẾT NHƯ VẬY . ỰTIVUTTAKA . 1. về từ ngữ Chữ ^iti-vuttakc^ trong tiếng Pãli và "ỉtỉ-vrttaka^ trong tiếng Sanskrit có nghĩa là "diều được thuyết như vỊy", Tòi được đức Phật dạy như thế này" as it was said, thus was said, this was the Buddha said. Đây là tổ hợp từ có nghĩa là "diều được n6i", Tòi được thuyết" hay "lòi dạy" P. vuttam, s. vrttam, it was said, what was said, saying và unhư v2y", "răng" hay "nhu thế nSy" P. iti, s. ity, thus, in this way từ đức Phật. Trung Hoa thường dịch: "Nhu thị ngữ"có nghĩa là 'Thật nói như v2y", hay đầy đủ hơn là "Như thị ngữ kinh"hay "Niue thị ngôn thuyết"tức "L&i nói như vây'\ có nghĩa là "'Đức Phật tuyên thuyết như vây",ÍQĐức Phật đã dạy như vầy" hay "Kinh Phật nói như vậy",1 hoặc "'Phát đã nói như vậy"hoặc "'Tôi nghe những lời sau đây từ đức Thế ". Thi thoảng, các dịch giả Trung Hoa dịch Itỉvuttaka là ^Bổn sự kinh" 2 và giải thích ^Vỉệc này quả khứ đã từng như vặv",. Dịch ngữ này dễ bị gây ngộ nhận là tương đồng với "'Bổn sanh"' ựãtaka, tiền thân đức Phật. Trên thực tế, hai dịch ngữ có nghĩa hoàn toàn khác biệt. Các dịch từ sát nghĩa trong chữ Hán của Itỉvuttaka là "Như thị chỉ sự" tức "'Sự việc như vậỷ\ hay "'Xuất nhân duyên"có nghĩa là 4tNêu ra nhân duyên.Phiên âm trong Hán Việt có các từ thông dụng

1 Tham chiếu: Đại Tỳ-bà-sa luận, íỊuyểĩi 126 Thành thật luận, quyển 1 ,Du-già sư địa luận, quyên 25 ,Hiên dương Thánh giáo luận, quyên 6, quyển 12 2 Đại tập pháp môn kinh T.oi.oon. 0227b26 đã nêu 9 thể loại văn học và Itivựttaka được dịch là "Bổn sụ?, nhự đoạn kinh sau: "Chu Bật-sô! Đương tri Phật sở tuyên thuyết, vị Khế kinh, Kỳ-dạ, Ký biệt, Già-đà, Bổn sự? Bổn sanh, Duyên khởi, Phương quảng, Hy pháp,5 :,^W}.D^uPhapLiênHoa Ĩ.09. 0262.1. 0007c25 cũng ghi:
uHoặc thuyêt Tu-đa, Già-đà cập Bôn SỊT, Bôn sanh, Vị tăng hữu, diệc thuyết ư Nhân, Thí dụ tịnh Ky-dạ, Ưù-ba-đề-xá kinh" ,.

200 KINH TIỂU Bộ

như sau: "Y-dế-viet-da-già" (),"Nhất-mỊic-da-ca"( ), "Nht-tnic-da"(j.3
Khái niệm "Kinh Phật thuyết như vậý' vốn là bản sắc kinh điển Phật giáo, bắt đầu của

các bài kinh thường có câu của Ngài Ãnanda tường thuật như sau: ^Vuttarh hetam bhagavatã vuttarh arahatãtỉ me sutaiỲỈ' có nghĩa là ^Đây là những lời tôi nghe đức Thê Tôn, bậc A-ỉa-hản từng dạy như vây." Hoặc câu tương tự, "Etarh attharh bhagava avoca, tatth 'etarh iti vuccatf\ có nghĩa là "'Đây rõ ràng là nghĩa lý do đức Thê Tôn tuyên giảng như vâý\ cũng như câu ^Ayampi attho vutto bhagavatã, iti me sutam>, có nghĩa là "Dáy ỉà nghĩa lý do đức Thế Tôn giảng, tôi đã được nghe. 2. về các bản dịch tiếng Anh Dưới đây là 3 bản dịch tiêng Anh tiêu biêu, cân tham khảo vê nội dung của bản văn này: -F. L. Woodward là người đầu tiên dịch và xuất bản Kình Phật nói như vậy đăng trong quyển ^Udãna ỉn Minor Anthologies of the Pãỉỉ Canon" (Kinh Phật tự thuyêt trong tuyên tập ngăn thuộc kỉnh điên Pãỉỉ), vol. II (London, 1935). -John Ireland, The Buddha s Sayings (Lời Phật dạy) (USA, 1999).34 -Thanissaro Bhikkhu (tr.), This Was Said by the Buddha (Đây là những điều Phật dạy) (USA, 2001).5 Đôi với 12 bản dịch băng các ngôn ngữ ngoài tiêng Anh, độc giả có thê xem tại trang nhà suttacentral.net.6 3. Vê nguôn gôc, vị trí trong văn học Pãli Khái niệm "Kỳíh Phật nói như vậỷ' là tên gọi của 1 trong 9 thể tài kinh trong văn học Pãli và 1 trong 12 thể tài văn học Phật giáo Đại thừa. Đây là tuyển tập 112 bài kinh ngắn (short discourses). Cũng như các bản văn thuộc Kỉnh Tiêu bộ, Kỉnh Phật thuyêt như vậy được truyền miệng trong nhiều thế kỷ sau khi đức Phật nhập Niết-bàn cho đến khoảng thế kỷ III TTL mới được ấn hành chính thức. Vê nguôn gôc, tuyên tập này ra đời nhờ vào sự chú tâm lăng nghe, học thuộc và trùng tuyên của tín nữ Khujjuttara7 vốn là thị nữ của Hoàng hậu Sãmãvatĩ

3 Tham chiếu mục từ "Y-dế-yiet^da-già"()trong Phật học đại từ điển (): iti-vrttakaity-uktaka,itivuttaka..
il, 4 https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/iti/iti.intro.irel.html/ (truy cập ngày 14/2/2021). 5 https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/iti/iti-than.pdf7 (truy cập ngày 14/2/2021).

7 về cuộc đời của tín nữ Khujjuttara, hãy xem bài yiết này: https://www.wisdomlib.org/definition/ khujjuttara/ (truy cập ngày 14/2/2021).

và cũng là nữ cư sĩ xuất sắc nhất của đức Phật về tâm từ bi.8 Theo truyền thống Chú giải Pãli, vị tín nữ này đã chứng quả Dự lưu, có công dẫn dắt nhiều mệnh phụ phu nhân tại Kosambĩ làm đệ tử đức Phật. Hoàng hậu Sãmãvatĩ, vợ của Vua Udena nước Kosambĩ, do bận việc trong hoàng cung, không thể đích thân đến nghe đức Phật giảng chân lý, đã sai thị nữ Khụjjuttarã đi nghe pháp và về thuật lại cho Hoàng hậu và 500 thị nữ khác cùng nghe. Bhikkhu Thanissaro trong bản dịch tiêng Anh "This Was Said by the Buddha" (Đây là những điêu được Phật dạy), đã cung câp thông tin thú vị vê bản dịch của Ngài Huyên Trang: "Dẹù tạng kỉnh Trung Quôc có chứa bản dịch Kỉnh Phật thuyêt như vậy, được xem là của Ngài Huyên Trang, rât giông với bản văn Pãlỉ của Kỉnh Phật thuyết như vậy. Khác biệt căn bản chính là chương III-IV trong bản Pãlỉ bị tỉnh lược trong bản dịch của Huyền Trang. Dù hai chương này là phần thêm vào sau này trong bản Pãlỉ nhưng chắc chắn không phải thêm mới trong bản Sanskrit do Ngài

Huyên Trang chọn dịch, hoặc có thê bản văn Sanskrit không hoàn chỉnh, hoặc cũng có thể bản dịch của Ngài Huyền Trang chưa dịch hoàn tất (bản dịch này diễn ra vào những thảng cuối đời của Ngài Huyền Trang)y9 Tuy nhiên, giả định Ngài Huyền Trang chưa dịch hoàn tất vì đây là bản dịch cuối đời thì không có sức thuyết phục. Theo Khai nguyên Thích giảo lục, Kinh Bổn sự được Ngài Huyền Trang dịch vào niên hiệu Vĩnh Huy thứ nhất (650).10 Đây là giai đoạn làm việc thuận lợi và hiệu quả nhất của Ngài Huyền Trang, vì sự nghiệp dịch kinh vừa mới được 3 năm, do đó bản kinh này không thể dịch dang dở được. Mãi đến 14 năm sau, Ngài mới viên tịch (664). Bản kinh Ngài dịch cuối đời là Đại bảo tích, từ quyển 35 đến quyển 54 và bộ này dài tới 120 quyển. 4. về cấu trúc bản văn và tính văn học Kinh Phật thuyêt như vậy giông với câu trúc pháp sồ của Kỉnh Tăng chỉ bộ, bắt đầu bằng pháp số 1 và kết thúc với pháp số 4. Nếu Kỉnh Tăng chỉ bộ có cấu trúc văn xuôi, theo sau là đoạn thi kệ trùng tụng lại nội dung ở trên thì trong Kỉnh Phật thuyết như vậy, nhiều đoạn thi kệ cung cấp thêm nội dung mới, không có trong các đoạn văn xuôi bên trên.

8 Tham chiếu các kinh và bản chú giải sau đây: A. 1.26; DhA. 1.208ffyL4.1.226,237f; ItA. 23f; PsA. 498f. 9 Nguyên tác tiếng Anh: Bhikkhu Thanissaro, This Was Said by the Buddha (USA, 2001): "The Chinese canon contains a translation of an Itivuttaka, attributed to Hsiian-tsang, that strongly resembles the text of the Pali Itivuttaka, the major difference being that parts of the Group of Threes and all of the Group of Fours in the Pali are missing in Hsiian-tsang's translation. Either these parts were later additions to the text that found their way into the Pali but not into the Sanskrit version translated by Hsiian-tsang, or the Sanskrit text was incomplete, or Hsiian-tsang's translation was left unfinished (it dates from the last months of his life).^, 1° .(T.55. 21540557a03):(7.

202 KINH TIỂU Bộ

Bản văn này gồm 112 bài được phân thành 4 chương (nipãtà), 10 phẩm (ẏaggà), mỗi phẩm gồm 7 hoặc 10,12, 13 bài kinh ngắn. Ân bản tiếng Anh của Hội Thánh điển Pãli giữ nguyên cấu trúc nhóm bài với pháp số 1 đến pháp số 4, đặt thứ tự từ bài 1-112. Nhiều bài kinh ngắn trong bản văn này được trích dẫn từ Kinh Tăng chỉ bộ, đang khi có một sô bài có nội dung độc lập. Mặc dù phần lớn các bài thi kệ có nội dung mới so với đoạn văn xuôi không dài lắm, nhưng cũng có vài thi kệ dài có nội dung được bổ sung phần văn xuôi chăng hạn như It. III. II. §4. Có vài trường hợp, phân thi kệ lặp lại toàn bộ nội dung văn xuôi như It. I. II. §5, It. IV 8§6; hoặc thay đôi rât ít giữa văn xuôi và tìHốr±ưẴl.L§l-6.

Ngoài các bài kệ có tính thi vị văn học cao như It. IL II. §12, It. III. V. §10. Kỉnh Phật nói như vậy có nhiêu ân dụ sâu săc, điên hình theo thứ tự như It. II. II. §1,. III. I. §1, III. II. §10,3. III. III. §5-7, §9, " III. IV. §7, §10," III. V. §2-3; các ngụ ngôn hay như It. I. III. §7, It. IL IL §9, It. III. II. §3, §8-10, ZA III. IV. §3; A IV. §10. 5. về nội dung Bản văn này chứa đựng lời Phật dạy với phạm vi rộng, từ cách diễn đạt đơn giản nhất cho đến cách mô tả triết lý thâm sâu nhất, theo một cách thức có thể tiếp cận được trong từng chủ đề.11 Vê mặc định thứ tự các bài kinh trong tuyên tập này, 112 bài kinh ngăn trong bản văn

được viêt tăt băng ký hiệu It. theo sau là con sô thứ tự của chương, tiêp theo là sô thứ tự của phâm và thứ tự của bài kinh. Ví dụ, It. 1.1. §1-10 được hiểu là các bài kinh từ thứ tự 1-10 thuộc phẩm I, chương I của Kinh r Phật thuyêt như vậy. Chương thứ nhất (Ekakanỉpãta,)có 27 bài kinh. Đức Phật khuyên từ bỏ tham ái (Kinh Tham ải (Lobhasuttà), It. I. I. §1), từ bỏ sân hận (Kỉnh Sân hận (Dosasutta), It. 1.1. §2), từ bỏ si mê (Kinh Si mê (Mohasuttà), It. I. I. §3), từ bỏ phân nộ (Kinh Phân nộ (Kodhasutta), It. I. I. §4), từ bỏ gièm pha (Kinh Gièm pha (Makkhasuttà), It. I. I. §5), từ bỏ sự cao ngạo (Kỉnh Kiêu mạn (Mãnasutta), It. 1.1. §6), cho đến khích lệ mọi người cần biết rõ tất cả (Kinh Liễu tri tất cả (Sabbaparỉnnãsutta), It. 1.1. §7), biết rõ sự cao ngạo (Kinh Liêu tri kiêu mạn (Mãnaparinnãsutta), It. 1.1. §8), biêt rõ lòng tham (Kinh Liễu tri tham ải (Lobhaparỉnnãsuttă), It. L L §9) và biết rõ sân hận (Kỉnh Liêu trì sân hận (Dosaparinnasutta), It. 1.1. §10) đê từ bỏ các tâm lý và thái độ tiêu cực này.11

11 Tham chiếu đoạn nhận xét sau đây, Bhikkhu Thanissaro, This Was Said by the Buddha (USA, 2001): "Whatever the history of the text, though, it has long been one of the favorite collections in the Pali canon, for it covers a wide range of the Buddha's teachings, from the simplest to the most profound, in a form that is accessible, appealing, and to the point.,,

Đức Phật khuyên mọi người nên thắng tri và liễu tri các đối tượng cụ thể sau đây: Sự si mê (Kinh Liễu tri si mê (Mohaparinnãsutta), It. I. II. §1), sự phẫn nộ (Kinh Liễu tri phẫn nộ (Kodhaparỉnnãsuttà), It. I. II. §2), sự gièm pha (Kinh Liễu tri gièm pha (Makkhaparinnãsutta), It. I. II. §3), trói buộc của vô minh (Kinh Vồ minh trỉên cải (Avijjamvaranasuttd), It. I. II. §4), trói buộc của tham ái (Kinh Ái kiết sử (Tanhasamyojanasuttd), It. I. IL §5), tác ý như thật (Kinh thứ nhãt vê hữu học (Pathamasekhasuttd), It. I. IL §6), làm bạn với người thiện (Kinh thứ hai vê hữu học (JJutiyasekhasuttd), It. I. IL §7), hậu quả xâu của phá hoại hòa hợp Tăng (Kỉnh Phả hòa hợp Tăng (Sanghabhedasutta), It. I. II. §8), lợi ích của hòa hợp Tăng (Kinh Hòa họp Tăng (Sanghasãmaggĩsutta), It. I. II. §9) và tâm độc ác (Kỉnh Tâm độc ác (Padutthacittasuttd), It. I. II. §10). Đức Phật khuyên mọi người phát triển: Tâm thuần tịnh chói sáng (Kinh Tịnh thiện (Pasannacỉttasuttà), It. I. III. §l), tâm từ (Kinh Tâm từ (Mettasutta), It. I. III. §2), không phóng dật (Kinh Hai lợi ỉch (JJbhayatthasutta), It. I. III. §3), nhiều lợi ích của việc hiểu bốn chân lý Thánh (Kinh Đống xương (Atthipufyasutta), It. I. III. §4), đức Phật nói vê kẻ nói láo sẽ làm nhiêu việc ác (Kinh Nói ỉảo {Musãvãdasuttà), It. I. III. §5), người bố thí được quả phúc (Kinh Bô thỉ (Dãnasuttà), It. I. III. §6), sự phát triên lòng từ đưa đên tâm giải thoát (Kỉnh Tu tập tâm từ (Mettãbhãvanãsuttà), It. I. III. §7). Chương thử hai (Dukanipãta,)có 22 bài kinh. Đức Phật giải thích về các hậu quả của việc không bảo vệ các giác quan và ăn uống vô độ (Kinh Trú khổ ự)ukkhavihãrasutta), It. II. L §l), lợi ích của việc làm chủ giác quan và tiêt độ trong ăn uông (Kỉnh Trú lạc (Sukhavỉhãrasuttà), It. II. I. §2), hậu quả xâu của việc không làm thiện và ngoan cô với việc ác (Kỉnh Làm cho hối hận (Tapanĩyasuttà), It. IL I. §3), lợi ích của việc làm điều thiện và bền bỉ với việc làm thiện (Kinh Không làm cho hổi hận (Atapamyasuttà)^ It. II.

L §4), tác hại của ác giới và ác kiến (Kinh thứ nhất về giới (PaỊhamasĩỉasuttơ), It. II. I. §5), lợi ích của giới hiền thiện và kiến hiền thiện (Kỉnh thứ hai về giới (Putỉyasĩlasutía), It. IL I. §6), lợi ích của sự nhiệt tình và sợ hãi tội lỗi (Kinh Nhiệt tâm (Ảtãpĩsutta), It. IL I. §7), sống Phạm hạnh không lừa dối và lợi dưỡng (Kinh thứ nhât vê không lừa dôi (Pathamanakuhanasutta), Kỉnh thứ hai vê không lừa dôi (JJutiyanakuhanasutta), It. IL I. §8-9), phân khởi với việc tôt và siêng năng với phân khởi (Kinh Nhiêu hỷ lạc (Somanassasuttà), It. II. I. §10). Lợi ích của sống ẩn dật và không làm hại ai dầu là loài động vật hay không phải động vật (Kinh Suy tâm (Vitakkasuttà), It. II. II. §1); nhàm chán cái ác và từ bỏ cái ác (Kỉnh Thuyết pháp (Desanãsutta), It. II. II. §2); tác hại của không biết xấu hổ và không sợ hãi tội lỗi (Kỉnh Minh (Vijjasutta), It. II. II. §3); khổ đời này và đời sau do từ bỏ trí tuệ (Kỉnh Thối đọa khỏi trí tuệ (Pannãparihĩnasutta), It. II. §4); lợi ích của tâm xấu hổ và sợ hãi tội lỗi (Kinh Pháp thanh tịnh (Sukkadhammasuttà), It. IL II. §5); cái không sanh và không

hiện hữu (Kỉnh Không sanh (Ajatasuttd), It. IL IL §6); Niết-bàn khi còn sống và Niêt-bàn sau khi viên tịch (Kinh Nỉêt-bàn giới (Nỉbbãnadhãtusuttà), It. II. II. §7); thích thiền tịnh và chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ (Kinh Thiền tịnh (Patỉsaỉlãnasuttà), It. II. II. §8); tu học đê tăng trưởng trí tuệ và được giải thoát (Kinh Lợi ích của học tập (Sỉkkhãnỉsamsasuttà), It. IL II. §9); được trí tuệ ở hiện tại và chứng quả Bât lai nhờ tu chánh niệm (Kỉnh Tỉnh thức ụãgariyasuttà), It. IL II. §10); bị đọa lạc vào khô cảnh do cho răng hạnh Thánh là xâu và hạnh bất tịnh cho là hạnh Thánh (Kinh Đọa lạc vào khổ cảnh (Ãpãyikasutta), It. II. IL §l l); tác hại của việc chấp chặt vào tà kiến và cực đoan trong sự lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu (Kỉnh Tà kiến (Ditthigatasutta), It. II. IL §12). Đức Phật dạy về ba tầm tư xấu gồm tầm tư tự đề cao mình, tầm tư liên hệ lợi dưỡng và tầm tư liên hệ đến lo lắng cho người khác (Kinh Suy tầm (Vỉtakkasuttà), It. III. IV. §l);ba hạng người gồm người bị cung kính chinh phục, người không bị cung kính chinh phục và người vượt lên cả hai (Kinh Cung kính (Sakkãrasutta), It. III. IV. §2); ba người cao quý gồm người xuất gia vì lý tưởng, người chuyên tu bảy yêu tô giác ngộ và ngưòd dứt các phiên não (Kinh Tiêng nói của chư thiên (Devasaddasuttà), It. III. IV. §3); năm tướng xuất hiện trước lúc chết của một vị thiên gồm vòng hoa úa, quần áo dơ, mồ hôi chảy từ nách, thân xấu đi, thiên nhân không hoan hỷ tại chô ngôi chư thiên (Kinh Năm tưởng xuât hiện trước (Pancapubbanimittasutta), It. III. IV. §4); ba hạng người đem lại lợi ích cho chư thiên và loài người là đức Phật, Thánh A-la-hán và người đang đi trên con đường Thánh (Kinh Lợi ích cho nhiều người (Bahujanahitasuttd), It. III. IV. §5); quán sự bất tịnh của thân, chánh niệm với hơi thở và quán vô thường với mọi sự vật (Kinh Tùy quán bât tịnh (Asubhãnupassĩsuttà), It. III. IV §6); thực hành đúng chân lý, nói đúng chân lý và suy tư đúng chân lý (Kinh Tuần tự hành trì giảo pháp (Dhammãnudhammapatỉpannasuttă), It. III. IV §7); tác hại của dục tâm, sân tâm và hại tâm (Kinh Tác thành mù (Andhakaranasutta), It. III. IV. §8); tham sân si là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch (Kinh Câu uê trong thân (Antarãmaỉasuttă), It. III. IV §9); ba điêu làm sa đọa gôm bị ác dục chinh phục, tâm bị uê nhiêm, chơi với bạn ác (Kinh Devadatta (Devadattasutta), It. III. IV. §10). Đức Phật dạy ba sự thành tín

tối thượng gồm thành tín với đức Phật, thành tín với ly tham và thành tín với Tăng đoàn (Kỉnh Tín thành tối thượng (Aggappasãdasutta), It. III. V. §1); xem việc khất thực đê sông là vì lý tưởng muốn chấm dứt toàn bộ khổ uẩn, thành tựu giác ngộ giải thoát, không phải vì bất kỳ nguyên nhân thập kém nào cho răng việc khất thực như một nghê nuôi sông (Kinh Nghê nuôi sông Ụĩvikasutta), It. III. V. §2); có ba điêu gân và xa Phật gồm gần Phật qua pháp y nhưng xa Phật vì chưa dứt tham ái, không thấy pháp nên không thấy Phật, gần Phật qua chánh niệm tỉnh thức (Kỉnh Viền y Tăng-giả-lê (Sanghãtikannasuttà), It. III. V. §3); ba loại lửa gồm lửa tham, lửa

sân và lửa si (Kỉnh Lửa (Aggisutta), It. III. V. §4); cách quán sát để thức không tán loạn trước ngoại trần, để tâm không trú trước nội trần và không có sự sanh khởi, tập khởi của khổ (Kinh Quán sát (Upaparỉkkhasuttà), It. III. V. §5); ba loại dục gồm dục với sự vật hiện tại, dục với sự vật do mình tạo ra và chấp nhận sự vật do người khác tạo ra (Kỉnh Dục sanh khởi (Kãmũpapattisuttà), It. III. V. §6); ba trường hợp gồm trói buộc của dục, trói buộc của hiện hữu và không còn bị trói buộc bởi dục và hiện hữu (Kinh Trói buộc của dục (Kãmayogasuttà), It. III. V. §7); vị toàn hảo là vị có đạo đức tốt, pháp đưa đến giác ngộ và thành tựu tuệ giác (Kinh Giới tốt lành (Kaỉyãnasĩỉasutta), It. III. V. §8); bố thí pháp tối thượng hơn bố thí tài, phân phát pháp tối thượng hơn phân phát tài và tăng trưởng pháp tối thượng hơn tăng trưởng tài (Kinh Bo thỉ (Dãnasutta), It. III. V. §9); ba tuệ giác đó là nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ cùng với các nét đại cương và chi tiết; với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy rõ sự sống và chết của chúng sanh, sự may mắn hay bất hạnh, đẹp hay xấu đều do hạnh nghiệp của mỗi chúng sanh; do diệt tận các lậu hoặc trong hiện tại, tự mình với thắng trí thành tựu Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát (Kinh Ba minh (Tevijjasuttd), It. III. V. §10). _ Chương thứ tư (Catukkanỉpãta,)c6 13 bài kinh. Đức Phật dạy về bốn ưu thế gồm bố thí Pháp hơn bố thí vật chất, phân phát Chánh pháp, tăng trưởng Chánh pháp và thừa kế Chánh pháp (Kinh Pháp tế tự Bà-la-môn (Brãhmanadhammayãgasuttà), It. IV. §1); biết đủ với bốn pháp đơn giản, dễ được, không phạm lỗi đó là mặc y phấn tảo, đi khất thực từng miêng, nghỉ dưới gôc cây, dùng nước tiêu làm thuôc (Kinh Được ỉợỉ dê dàng (Sulabhasuttà), It. IV §2); bốn chân lý Thánh gồm khổ đau, nguyên nhân khổ đau, Niêt-bàn và con đường dứt khô (Kinh Diệt tận lậu hoặc (Asavakkhayasutta), (Kinh Sa-môn hay Bà-la-môn (Samanabrãhmanasuttà), It. IV. §3-4); sự đầy đủ gồm đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ tri kiến về giải thoát (Kỉnh Đây đủ giới (Sĩỉasampannasuttcì), It. IV. §5); bôn nhân sanh khởi của ái gôm ái do y phục, ái do thức ăn, ái do sàng tọa, ái do hiện hữu (Kinh Ai sanh (Tanhuppãdasuttă), It. IV. §6); con cái hiếu kính với cha mẹ thì gia đình đó được xem bằng với Phạm thiên, Đạo sư thời xưa, đó là những vị đáng được cúng dường, tôn trọng (Kinh Có Phạm thiên (Sabrahmakasutta), It. IV. §7).Đức Phật dạy gia chủ hữu ích là người biết cúng dường bốn vật dụng, Tăng sĩ hữu ích là vị biết giảng Phật pháp (Kinh Rất có ỉợỉ ích (Bahukãrasuttà), It. IV. §8); Tăng sĩ không đủ chuẩn gồm người lừa đảo, ngoan cố, lắm mồm, buông thả, hỗn hào, vồ lễ và không định tĩnh (Kinh Lừa đảo (Kuhasuttă), It. IV §9); tham ái ví như dòng sông, sáu nội xứ được ví là sắc dễ thương, năm hạ phần kiết

sử như cái hô, phân nộ và ưu não như sóng trên nước, năm dục như nước xoáy, phụ nữ như cá sấu và quỷ dạ-xoa, ngược dòng là sự xuất ly, tinh tấn như tay chân, Phật như người có mắt đứng trên bờ (Kinh Dòng sông (Nadīsotasuttă), It. IV.

206 KINH TIÊU Bộ

§10); người bị dục tầm, sân tàm, hại tầm chi phối và người biết sợ hãi không để ba tầm cầu trên chi phối (Kinh Hành (Carasuttă). It. IV §11); đầy đủ giới hạnh, từ bỏ năm chướng ngại của tâm, tinh tân, chánh niệm, khinh an và nhât tâm (Kinh Đây đủ giới (Sampannasīlasuttd), It. IV §12); đức Phật không hệ lụy với đời, thế giới tập khởi được Phật chấm dứt, con đường dứt khổ được Phật khám phá và Phật tu tập con đường dứt khổ (Kinh Thế giới (Lokasutta), It. IV. §13). Dù chủ đề của Kinh Phật thuyết như vậy rất đa dạng, nhimg chủ đề chính yêu vân là "quả" (yipăkă) của các hành vi (kammă), bao gôm có chủ ý (cetanã, volition, will) hay vô tình. Nhân quả tác động đên ba chiêu thời gian gôm kêt quả từ nhân gieo trong quá khứ và hành động hiện tại kéo theo quả tương lai. Các hành động có chủ đích tốt sẽ dẫn theo kết quả hạnh phúc, tái sanh vào cảnh giới cao, đang khi các hành động xâu kéo theo hậu quả khô đau, thậm chí bị rơi rớt vào các cảnh giới xâu. Băng sự khôn khéo5 con người có thê trôn tránh luật pháp ở hiện tại, nhưng không ai có thể thoát khỏi luật nhân quả vốn rất công bằng và không bao giờ bị biến hoại thay đổi.

TR HỒ Chi Minh, ngày 15/2/2021 TT.TS. ThíchNhậtTừ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

CHƯƠNGI MỘTPHÁP {ẸKAKANIPÃTA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVÂGGAÝ

§1. KINH THAM ÁI (Lobhasutta) (It. 1) 1. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ồng không có tái sanh. Thê nào là một pháp? Tham, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Với tham, bị tham đắm, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ tham ái ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH SÂN HẬN (Dosasutta) (It. 1) 2. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Sân, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với sân, bị sân hận, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ sân hận ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

1 Bản tiếng Anh của PTS viết tên phẩm này là Surety, nghĩa là Sự chắc chắn, bảo đảm.

208 KINH TIỂU Bộ _____

§3. KINH SI MÊ (Mohasuttà) (It. 2) 3. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Si, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. ở đây, điều này được nói đến: Với si, bị si mê, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ si mê ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH PHẪN Nộ (Kodhasuttà) ựí. 2) 4. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thê nào là một pháp? Phân nộ, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với phẫn nộ, phẫn uất, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ phẫn nộ ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Đây là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH GIÈM PHA (Makkhasuttà) (It. 3) 5. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Gièm pha,2 này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với gièm pha, gièm người, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiên quán chánh trí, Từ bỏ gièm pha ây, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

2 Makkha thường dịch là giả dối. Xem GS. II. 55. Chú giải giải thích là bôi nhọ giới đức của người khác.

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 209

§6. KINH KIÊU MẠN (Mãnasutta) ựt. 3) 6. Điều này đã được Thế Tồn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: —Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thê nào là một pháp? Mạn, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. ở đây, điều này được nói đến: Với kiêu mạn, kiêu căng, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiên quán chánh trí, Từ bỏ kiêu mạn ây, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tồi đã được nghe.

§7. KINH LIỄU TRI TẮT CẢ (SabbaparinnãsuttẩỶ ựt. 3) 7. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, khồng liễu tri tất cả,3 4 ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Này các Tỷ- kheo, ai thắng tri, liễu tri tất cả, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khô đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Ai hiểu rõ biết được, Tất cả theo mọi mặt, Đối với tất cả chỗ, Không có sự tham đắm, r r Vị như vậy chăc chăn, Liêu tri được tât cả, Và có thể vượt qua, Tât cả mọi đau khô. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH LIỄU TRI KIÊU MẠN (Mãnaparinnãsuttà) (It. 4) 8. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, ai không thăng tri, khồng liêu tri mạn, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri mạn, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Người bị mạn chi phối, Do bị mạn trói buộc, Nên hoan hỷ sanh hữu, Do khồng liễu tri mạn,

3 Xem s. IV. 17, Pathamaaparijananasutta (Kỉnh thứ nhất về liễu trí); PC. 117 (chú thích). 4 "Tất c*“ ở đây là các căn, các trần và thức (Chú giải).

Nên đi đến tái sanh. Những ai đoạn diệt mạn, ĩ \ '

Giải thoát, mạn hoại diệt, Họ thăng mạn trói buộc, Họ vượt qua, nhiếp phục, Tất cả mọi đau khổ. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH LIỄU TRI THAM ÁI (Lobhaparinnasutta) (It. 5) 9. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: —Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri tham, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khả đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri tham, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Với tham, bị tham đắm, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ tham ái ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH LIỄU TRI SÂN HẬN (Dosaparinnasutta) (It. 5) 10. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, ai không thăng tri, không liêu tri sân, ở đây, tâm không ly tham, khồng từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri sân, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Với sân, bị sân hận, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ sân hận ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

§1. KINH LIỄU TRI SI MÊ (Mohaparinnãsuttd) (It. 6) 11. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri si, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ9 không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri si, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ5 có thể diệt được khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với si, bị si mê5 Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ si mê ấy, Bỏ rồi, không bao giờ? Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH LIỄU TRI PHẢN NỘ (Kodhaparinnasutta) (It. 7) 12. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri phẫn nộ5 ở dây, tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo5 ai thắng tri, liễu tri phẫn nộ? ở dây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với phẫn nộ9 phẫn uất, Chúng sanh đi ác thú? Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ phẫn nộ ấy, Bỏ rồi, không bao giờ? Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH LIỄU TRI GIÈM PHA (Makkhaparinnãsuttă) (It. 7) 13. Điều này đã được Thế Tôn nói đến9 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri gièm pha, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri gièm pha, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ? có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với gièm pha, gièm người, Chúng sanh đi ác thú, Bậc thiền quán chánh trí, Từ bỏ gièm pha ấy, Bỏ rồi, không bao giờ, Trở lại tại đời này. Ý nghĩa này được Thế Tồn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH VÔ MINH TRIỀN CÁI (Avijjamvaranasutta) (It. 7) 14. Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài chạy suốt, luân chuyển, này các Tỷ-kheo, như là vô minh triền cái. Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy suốt, luân chuyển. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Không có một pháp khác, Quần sanh bị bao phủ, Ngày đêm chạy luân chuyển, Như bao phủ bởi si. Và ai đoạn diệt si, Đâm thủng khối u ám, Họ không luân chuyên nữa, Trong họ nhân không còn. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH ÁI KIẾT SỬ (Tanhasamyojanasutta)5 (It. 8) 15. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ- kheo, như là ái kiết sử. Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Người có ái làm bạn, Thời gian dài luân chuyển, Không vượt được luân chuyên, Sanh hữu vậy hay khác. Ai biết nguy hiêm này, Biết ái tác thành khổ, Bỏ ái không chấp trước, Tỷ-kheo giữ chánh niệm, AM Bỏ gia đình xuất gia, Sông nêp sông như vậy. Ý nghĩa này được Thế Tồn nói đến và tôi đã được nghe.

5 Xem A. II. 10, Tanhuppãdasutta (Kinh Ái sanh); It. 109. Tanhuppãdasutta; Sn. 139, Dvayatãnupassanãsutta (Kỉnh Hai tùy quán)] J. IV. 351, MahãvãnIịaịãtaka (Chuyện vị đại thương nhân), số §493.

§6. KINH THỨ NHẤT VỀ HỮU HỌC (Pathamasekhasuttà) (It. 9) 16. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu,67đang sông cân câu vô thượng an ôn khỏi các triên ách, sau khi làm thành nội chi phân, Ta không thây một chi phân nào khác được nhiêu lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, như là như lý tác ý. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Vị Tỷ-kheo Hữu học, Hành như lý tác ý, Không một pháp nào khác, Nhiều lợi ích như vậy, r Đê đạt cho băng được, Lợi ích thật tôi thượng. Vị Tỷ-kheo như lý, Tinh tấn và tinh cần, Có thể thành đạt được, Sự đoạn diệt khổ đau. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH THỨ HAI VỀ HỮU HỌC (Dutiyasekhasuttà) (It. 10) 17. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, như là làm bạn với thiện hữu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn vơi thiện hữu, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này đã được nói đến: Tỷ-kheo làm bạn thiện, Tôn kính và tin cậy, Làm theo những lời nói, Của bạn bè thân hữu, Tỉnh giác và chánh niệm, Vị ấy sẽ tuần tự, Đạt được sự hoại diệt, Tất cả mọi kiết sử. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (Sanghabhedasutta)1 (It. 10) 18. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại bất hạnh cho nhiều người; đem lại bất an cho nhiều người; đem lại bất lợi cho nhiều người; đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

6 Vị chưa chứng quả A-la-hán. 7 Xem 4 V. 75, Pathamaãnandasutta (Kinh thứ nhất về Ẫnandẩ); Vin. II. 180.

Thế nào là một pháp? Phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, khi chúng Tăng e # r : V

bị phá hoại thì có những tranh luận với nhau, có những măng nhiêc lân nhau, có những ngăn cách lẫn nhau, có những bác bỏ lẫn nhau, ở tại đấy, những người không hòa hợp không đi đến hòa hợp, và những người có hòa hợp lại thay đổi. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Bị rơi vào đọa xứ, Bị rơi vào địa ngục, Trú đến trọn cả kiếp, Người phá hòa hợp Tăng. Ưa thích phá hòa hợp, An trú trên phi pháp, Rơi rớt vượt ra khỏi, An ổn khỏi khổ ách. Kẻ phá sự hòa hợp, Của Tăng chúng hòa hợp, Bị nung nâu trọn kiêp, Trong cảnh giới địa ngục. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH HÒA HỢP TĂNG (Sanghasãmaggĩsuttảỷ ựt. 11) 19. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên, đem lại hạnh phúc cho nhiều người; đem lại an lạc cho nhiều người; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người, cho chư thiên và loài người. Thế nào là một pháp? Sự hòa hợp chúng Tăng. Này các Tỷ-kheo, khi chư Tăng được hòa hợp, không có những tranh luận với nhau, không có những mắng nhiếc lẫn nhau, không có những ngăn cách lẫn nhau, không có những bác bỏ lẫn nhau. Ở tại đấy, những người không hòa hợp đi đến hòa hợp và những người hòa hợp lại càng hòa hợp hơn nữa. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Hạnh phúc là chúng Tăng, Được sông trong hòa hợp, Giúp đỡ, ưa hòa hợp, Thích hòa hợp, trú pháp, Không rơi rớt vượt khỏi, An ổn khỏi khổ ách. Người tạo được hòa hợp, Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo, Trọn kiếp được an vui, Trong cảnh giới chư thiên. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH TÂM ĐỘC Ác (Padutthacỉítasuttảỷ (It. 12) 20. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

8 Xem 4 V 76, Dutỉyaãnandasutta (Kinh thứ hai về Ấnandà); Vin. II. 180. 9 Xem A. I. 8, Panihỉtaacchasutta (Kinh Đặt hướng và trong sáng); Netti. 128, SãsanapatỊhãna (Sự hình thành giao pháp).

Ở đây, này các Tỷ-kheo5 với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người độc ác như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này bị rơi vào địa ngục. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo5 vì tâm người ấy độc ác. Này các Tỷ-kheo, vì nhân tâm ác V, như vậy ở đây? một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi ác? ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Biết được tâm độc ác, Của hạng người ở đời, Đức Phật giữa Tỷ-kheo, Đã nói ý nghĩa này. Chính trong thời gian này5 Người ấy bị mạng chung, Sẽ bị sanh địa ngục, Vì tâm nó ác độc. Tùy theo lấy những gi, Tương xứng bị rơi xuống, Theo cách thức như vậy, Do nhân tâm độc ác, Chúng sanh đi ác thú. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

m.PHẢMTHỨBA (TATIIAVAGGA)

§1. KINH TỊNH THIỆN (Pasannacittasuttd)^ ựt. 13) 21. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Ở dây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người thiện ý như vậy, và nếu Irong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này được sanh lên thiên giới. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm người ấy thiện ý. Này các Tỷ-kheo, vì nhân tâm thiện ý? như vậy ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cối đời này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Biết được tâm thiện ý? Của hạng người ở đời, Đức Phật giữa Tỷ-kheo, Đã nói ý nghĩa này. Chính trong thời gian này? Người ấy bị mạng chung, Người ấy sẽ được sanh,

Lên thiên giới, thiện thú, Vì tâm có thiện ý. Tùy theo lấy những gì5 Tương xứng được lãnh thọ, Theo cách thức như vậy? Do nhân tâm thiện ý? Chúng sanh đi thiện thú. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH TÂM TỪ (Mettasuttd)n ựt. 14) 22. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo5 chớ có sợ hãi các công đức.12 Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, cái gì khả lạc, khả hỷ? khả ái, khả ý? tức là công đức. Này các Tỷ-kheo? Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thục khả lạc, khả hỷ9 khả ái? khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài. Sau khi tu tập từ tâm trong bảy năm, Ta đã không trở lui lại đời này

10 Xem A. I. 8, Panỉhitaacchasutta (Kinh Đặt hướng và trong sảng); Netti. 128, Sãsanapatthãna (Sự hình thành gỉẩo pháp). 11 Xem 4 IV. 88, Mettasutta (Kinh Tâm từ); It. 51, Punnakiriyavatthu (Kinh Phước nghiệp sự). 12 Các việc làm đem lại quả báo tốt đẹp cho đời sau.

trong bảy tăng kiếp và hoại kiếp. Trong thời kỳ kiếp tăng? Ta là chư thiên Quang Âm. Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm thiên.13 Tại đấy, Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thây tât cả9 bậc có quyên lực. Này các Tỷ- kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế-thích; nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyên Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiên thăng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu; còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương. Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thục của nghiệp nào, mà nay, Ta được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy?^ Rôi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Bây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thục của ba nghiệp, do vậy, Ta nay được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy, tức là bố thí, nhiếp phục, chế ngự.55 Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Hãy để cho vị ấy, Học tập vê công đức, Công đức là lạc căn, Tối thượng trong tương lai, Hãy tu tập bố thí, Sống nếp sống an tịnh, Và tu tập từ tâm. Sau khi đã tu tập, Các pháp này như vậy, Tức là cả ba pháp, Khiến an lạc sanh khởi, Bậc hiền trí được sanh, Trong thế giới an lạc, Thế giới không sân hận. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH HAI LỢI ÍCH (Ubhayatthasutta)14 ựt. 16) 23. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại hai lợi ích, an trú ngay hiện tại và lợi ích cho tương lai. Thế nào là một pháp? Không phóng dật trong các thiện pháp. Này các Tỷ- kheo, đây là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại được hai lọi ích, an trú ngay trong hiện tại và lợi ích cho tương lai. Thế Tôn đã nói lên lợi ích này. Ở dây, điều này được nói đến: Bậc hiền trí tán thán, Không phóng dật, hành thiện, Bậc hiền không phóng dật5 Đem lại hai lợi ích? Lợi ích ngay đời này, Và lợi ích tương lai.

13 Xem D. I. 17. Thế giới này bắt đầu bằng kiếp tăng, lâu đài Phạm thiên hiện ra nhưng trống không. Có một số chúng sanh do mạng sống đã het hay do cong đức không còn từ Quang Âm thiên sanh vao lâu đài Phạm thien trống khong này. 14 Xem A. III. 47, Itthasutta (Kỉnh Khả lạcỴ s. I. 86, Appamãdasutta (Kinh Không phỏng dật); s. I. 87, Kalyãnamỉttasutta (Kinh Thiện hữu).

Bậc trí do thắng trí, Chứng đắc được lợi ích, Nên được gọi bậc trí. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH ĐỐNG XƯƠNG (Atthipufyasutta)15 ựt. 17) 24. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Các xương của một người,16 này các Tỷ-kheo, chạy suốt, luân chuyển, có thể lớn như một đồi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vèpulla này, nếu có người thâu lượm xương lại, gìn giữ chúng, không làm chúng hủy hoại. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Chồng chất như xương người, Chỉ sống có một kiếp, Chất đống bằng hòn núi, Bậc Đại sĩ nói vậy. Đống xương ấy được nói, Lớn như Vèpulla, Phía Bắc núi Linh Thứu, Thành núi Magadha. Người thấỵ bốn sự thật, Với chân chánh trí tuệ, Khổ và khổ tập khởi, Sự vượt qua đau khổ,1718 Con đường Thánh tám ngành, Dan đến khổ tịnh chỉ. Người ấy phải luân chuyển, Tối đa là bảy lần? Là vị đoạn tận khổ, Đoạn diệt mọi kiết sử. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH NÓI LÁO (Musãvãdasutía)^ ựt. 18) 25. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Phàm một người nào đã vi phạm một pháp, Ta nói rằng không có ác nghiệp nào vị ấy không làm được. Thế nào là một pháp? Này các Tỷ-kheo, tức là rõ biết mà nói láo. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây? điều này được nói đến:

15 Tham chiếu: s. II. 185, Puggaỉasutta (Kinh Người); Dh. V. 191, Buddhavagga (Phẩm Phật-đă); Thag. V. 1209; Thĩg. V. 182, 189, 291, 31/; Ky•B(r.02. 0099.947. 02428); Biệt Tạp. (T.02. 0100.340. 0487Ồ17); Tạp A-hàm kinh (T.02. 0101.11. 0496bl4); Phạt thuyet Tích cot 3.02. 0150A.30. 0880010); PháỊ) củ kinh ^ThuậtPhật ẩm" (04. 0210.22. 0567a01); Ph củ thidy kinh :Ai dục phẩm,, (7.04. 0211.32. 0600c22); Xuật diệu kỉnh 4tQuan pham,,(7.04. 0212.28., 0736b06); Phảptậpyếu tụng kỉnh "Quán sát phẩm^,(T.04. 0213.27. 0791b03); Bổn sự kinh (T.17. 0765.2. 0662cl2). 16 Xem s. II. 185, Puggalasutta (Kỉnh Người). 17XemD/z. V. 190. 18 Tham chiếu: Dh. V. 176; Phapciikinh "Thế tục phẩm" (04, 0210.21. 0566al9); Xuất diệu kinh t4Hành (r.04. 0212.10. 0668a04); Pháp tập yếu tụng kinh 4tNghiẹp phm" a (T.04T0213.9.0781c10).

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 219

Người nào đã nói láo, Là vi phạm một pháp, Không kể đến đời sau, Không ác gì không làm. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH BỐ THÍ (Dãnasuttà) ựt. 18) 26. Điều này đã được Thế Tôn nói đến9 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh có thể biết như Ta đã biết quả dị thục của sự san sẻ, bô thí, họ sẽ không thụ hưởng nêu họ không có bô thí, và uê nhiễm xan tham không có ám ảnh tâm của họ và trụ lại. Dầu là miếng cuối cùng của họ, dầu là miếng ăn tối hậu, họ sẽ không thọ hưởng nếu họ không san sẻ khi CÓ người nhận của họ. Do vậy? này các Tỷ-kheo, nêu các chúng sanh không biêt như Ta đã biết quả dị thục của sự san sẻ, bố thí, họ sẽ thọ hưởng, không có bố thí, và uế nhiễm xan tham ám ảnh tâm của họ và trụ lại. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: £ Nêu các hàng chúng sanh, Có thể biết như vậy, Như bậc Đại Ẩn si, Đã nói, tuyên bố lên, Quả dị thục lớn thay, Của san sẻ? bố thí! Nhiếp phục uế xan tham, Vơi tâm thật thanh tịnh, Đúng thời họ bố thí, Đối với các Thánh nhân, Tại đây, bố thí vậy? Có quả thật to lớn. Cho nhiều các thức ăn? Kính lễ người đáng kính, Từ đây xả, từ bỏ? Địa vị làm con người, Các người làm bô thí, Được đi đến cõi trời. Họ đi đến cõi trời, Tại dấy, họ hoan hỷ, Với mọi điều sở thích, Họ thọ hưởng như ý. Vị không có xan tham, Được thọ hưởng đầy đủ, Quả dị thục của họ, Nhờ san sẻ, bố thí. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH TU TẬP TÂM TỪ (Mettãbhãvanãsutta)ĩ9 (It. 19) 27. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, phàm có những phước nghiệp sự nào đưa đến sanh y,2° tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng (những nghiệp sự ấy), chói sáng, bừng sáng và rực sáng.* 19 Xem A. IV. 150, Mettãsutta (Kinh Tâm từ); J. IV. 70, Cakkavãkạiãtaka (Chuyện chìm hồng ngà), số §451. 20 Xem s. I. 233. Làm các thiện hành để được tái sanh.

220 KINH TIÊU Bộ

Này các Tỷ-kheo, ví như ánh sáng của chùm sao, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.21 Ánh sáng của mặt trăng vượt qua ánh sáng của chùm sao chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp sự đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát, vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Này các Tỷ-kheo5 ví như vào tháng cuối mùa mua, vào mùa thu, trời quang mây tạnh, mặt trời mọc lên trên bầu trời, phá tan mọi tối tăm ở hư không, chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp sự đưa đên sanh y, tât cả những nghiệp sự ây không băng một phân mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi đêm đã gân tàn, sao mai chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo9 phàm có những nghiệp sự nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bừng sáng và rực sáng. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Ai tu tập từ tâm, Không phóng dật, chánh niệm, Các kiết sử giảm thiểu, Nhờ thấy sanh y diệt. Nếu tâm không độc ác, Đối với một hữu tình, Với từ tâm như vậy5 Vị ấy là bậc thiện. Với tâm tư từ mẫn, Đối tất cả hữu tình, Bậc

Thánh tự tác thành, Công đức thật vô lượng. Ai chiến thắng quả đất, Đầy rẫy những hữu tình, Bậc vua chúa chính thông, Như các vị đạo sĩ, Tổ chức khắp mọi nơi, Đủ các loại tế đàn, Lễ tế đàn với ngựa, Lễ tế đàn với người, Quăng cọc, rượu chiến thắng, Lễ chốt cửa dẹp lại, Họ không tác thành được, Một phần thứ mười sáu, Với người khéo tu tập, Tâm ý thật từ mân, Như ánh sáng mặt trăng, Thăng sáng mọi vì sao. Ai không có giết hại, Không khiến người giết hại, Không có chinh phục người, Không khiến người chinh phục, Với tâm tư từ mẫn, Đối với mọi chúng sanh, Vị ấy không hận thù, Đối với bất cứ ai. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

21 XemS. I. 65; III, 156;^. V. 22.

CHƯƠNG II HAI PHÁP (PUKANIPẴTA)

L PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

§1. KINH TRÚ KHỔ (Dukkhavihãrasuttd) ựt. 22) 28. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đây đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, sông đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai? Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, sống đau khổ, có hoạn nạn, có tru não, có nhiệt nẫo? sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Mắt, tai, mũi và lưỡi, Kể cả thân và ý, Những cửa này ở đây, Tỷ-kheo không hộ trì? Ãn uống không tiết độ, Các căn không hộ tri, Đau khổ về thân thể, Đau khổ về tâm tư, Vị ấy phải thọ lãnh, Những đau khổ như vậy, Thân thể bị thiêu đốt, Tâm tư bị thiêu đốt? Dâu là đêm hay ngày, Sống đau khổ như vậy. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH TRÚ LẠC (Sukhavihãrasuttà)1 (It. 23) 29. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú an

1 Tham chiếu: Xuất diệu kỉnh ịọc 01 304. 0212.8. 0660al4); Pháp tập yếu tụng kỉnh t4Thiệnhànhpham,, (7.04. 0213.7. 0781a01).

lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú. Thế nào là hai? Hộ trì các căn và tiết độ trong ăn uông. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đây đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não9 không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Mắt, tai, mũi và lưỡi, Kể cả thân và ý9 Những cửa này ở đây, Tỷ-kheo khéo hộ trì, Ăn uống có tiet độ9 Các căn có hộ trì, An lạc về thân thể, An lạc về tâm tư, Vị ấy được thọ lãnh, Những an lạc như vậy, Thân không bị thiêu đốt, Tâm không bị thiêu đốt. Dầu là đêm hay ngày, An trú lạc như vậy. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH LÀM CHO HỐI HẬN (Tapantyasutta) 2 qt 24) 30. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này làm cho hối hận. Thế nào là hai? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở người sợ hãi, làm điều ác, làm điều tàn bạo, làm điều không thiện. Người ấy hối hận bởi ý nghĩ: "Ta đã không làm điều thiện99, lại hối hận bởi ý nghĩ: “Ta đã làm điều ác.” Này các Tỷ-kheo, hai pháp này làm cho hối hận. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Làm xong thân ác hành5 Hay nói các lời ác, Làm xong ý ác hành, Hay bất cứ gì khác, Có liên hệ lỗi lain, Không làm các nghiệp lành. Làm các điều bất thiện, Khi thân hoại mạng chung, Người ấy không trí tuệ, Bị sanh vào địa ngục. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH KHÔNG LÀM CHO HỐI HẬN (Atapantyasutta)3 ựt. 25) 31. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

2 Tham chiếu: A. III. 351, Inasutta (Kỉnh Mắc wợ); Dh. V. 140; It. 54, Duccaritasutta (Kinh Ac hạnh); Pháp củ kinh uĐao tprợn&phẩm'L(04. 0210.18. 0565a29); Pháp củ thí dụ kỉnh "Bao m” (7.04. 0211.18. 0591b09); Xuất diệu kinh 44Ac hành pham^ ttlw (T.04. 0212.29. 0741b24); Pháp tập yếu tụng kỉnh uTội chướng phẩm,^ (Z04. 0213.28. 0792al7). Ả 3 Xem It. 55, Sucaritasutta (Kinh Thiện hạnh).

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 223

Này các Tỷ-kheo5 có hai pháp không làm cho hối hận. Thế nào là hai? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người làm điều lành, làm điều thiện, che chở người sợ hãi, không làm điều ác, không làm điều tàn bạo, làm điều thiện. Người ấy không hối hận vì nghĩ rằng: “Ta đã làm điều lành”, không hối hận vì nghĩ rằng: "Ta không làm điều ác.” Này các Tỷ-kheo? hai pháp này không làm cho hối hận. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Từ bỏ thân làm ác, Hay nói các lời ác, Từ bỏ ý ác hành, Hay bất cứ gì khác, Có liên hệ lỗi lầm, Không làm các nghiệp ác, Làm nhiều điều thiện sự, Khi thân hoại mạng chung, Người ấy có trí tuệ, Được sanh lên cõi trời. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH THỨ NHẤT VỀ GIỚI (PaỊhamasĩlasutta) (" 26) 32. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Này các Ty.kheo, đầy đủ hai pháp, một người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai? Ác giới và ác kiến. Này các Tỷ-kheo? đầy đủ hai pháp này, một người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Người nào mà hội tụ, Đầy đủ hai pháp này? Đầy đủ với ác giới? Và đầy đủ ác kiến, Khi thân hoại mạng chung, Người ấy không trí tuệ, Người ấy phải bị sanh, Vào cảnh giới địa ngục. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH THỨ HAI VỀ GIỚI (Dutiyasĩlasutta) ựt. 26) 33. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Đầy đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? Giới

hiền thiện và kiến hiền thiện. Đầy đủ hai pháp này, này các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Người nào được thành tựu5 Đây đủ hai pháp này, Đầy đủ giới hiền thiện, Đầy đủ kiến hiền thiện, Khi thân hoại mạng chung, Người ấy có trí tuệ, Người ấy sẽ được sanh, Vào cảnh giới cõi trời. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH NHIỆT TÂM (Ấtãpĩsutta) ựt. 27) 34. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi tội lỗi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi tội lỗi? có thể chứng được Chánh giác, có thể chứng được Niết-bàn? có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Người không có nhiệt tình, Không có biết sợ tội, , y

Biêng nhác không tinh cân, Nhiêu hôn trâm thụy miên, Không biết đến xấu hổ, Không có lòng tôn kính, Vị Tỷ-kheo như vậy, Không có thể đạt tới? Tối thượng Chánh Đẳng Giác. Ai giữ được chánh niệm, Thông minh tu thiền định,4 Nhiệt tinh, biết sợ tội, Vàr không có phóng dật, Sau khi chặt đứt được, Kiêt sử5 sanh và già, Ở đây có thể đạt, Chánh Đẳng Giác vô thượng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH THỨ NHẤT VÈ KHÔNG LỪA DỐI (Pathamanakuhanasutta)5 (It. 28) 35. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống6 không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng,7 nghĩ rằng: “Mong rằng quần chúng biết đến ta." Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì mục đích chế ngự và vì mục đích đoạn tận. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này đã được nói đến: Với mục đích chế ngự? Với mục đích đoạn tận, Không kể người nói gi, Thê Tôn đã thuyêt giảng, về nếp sống Phạm hạnh, Một nếp sống đưa đến? Thể nhập vào Niết-bàn, Đường này là con đường, Được các bậc Đại nhân, Được các Đại Ẩn sĩ,

4 Người trong khi tu thiền phân biệt, hiểu biết một cách thông minh. 5 Xem A. II. 26, Brahmacarỉyasutta (Kinh Phạm hạnh). 6 Xem M. I. 465; A. II. 26 nói về bốn mục đích sống Phạm hạnh.

7 Xem s. II. 226.

Noi theo và thực hiện, Và những ai dấn bước,
Chính trên con đường ấy, Như đức Phật đã dạy,
Sẽ làm khổ lắng dịu, Và thực hành làm đúng,
Như lời Đạo sư dạy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH THỨ HAI VỀ KHÔNG LỪA DỐI (Dutìyanakuhanasuttà) ựt. 29) 36. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: —Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: “Mong rằng quần chúng biết đên ta.” Này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sông vì mục đích thăng tri, vì mục đích liễu tri. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với mục đích thắng tri, Với mục đích liễu tri, Không kể người nói gi, Thê Tôn đã thuyêt giảng, về nếp sống Phạm hạnh, Một nếp sống đưa dến, Thể nhập vào Niết-bàn. Đường này là con đường, Được các bậc Đại nhân, Được các Đại Ẩn si, Noi theo và thực hiện, Và những ai dấn bước, Chính trên con đường ây? Như đức Phật đã dạy, Sẽ làm khổ lắng dịu? Và thực hành làm đúng, Như lời Đạo sư dạy. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH NHIỀU HỶ LẠC (Somanassasutta) ựt. 30) 37. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Đầy đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào la hai? Sự hứng khởi đối với những trường hợp đáng phấn khởi, và như lý tinh cần đối với phấn khởi. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ? như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Bậc có trí phấn khởi, Trường hợp đáng phấn khởi, Vị Tỷ-kheo nhiệt tinh, Thông minh và cẩn trọng, Quán sát nhìn sự vật, Với trí tuệ Bát-nhã,

Nhiệt tình trú như vậy? Sông đời sông an tịnh,

Không bông bột hăng say, Chú lực tâm tịnh chỉ, Có thể đạt chứng được, Đoạn diệt các khổ đau. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

n. PHẨM THỨ HAI (DUTHAVAGGA)

§1. KINH SUY TÀM(yỉtakkasuttăỷ ựt. 31) 38. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hai suy tâm được hành trì nhiêu, đó là an ôn và ân dật. Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, suy tàm này được hành trì nhiều: uVới cử chỉ uy nghi này, Ta không làm hại một ai, dầu đang di động hay bất động.,, Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này. Với Như Lai ây, này các Tỷ-kheo? ưa thích ân dật này, thích thú ân dật này, suy tàm này được hành trì nhiều: "Phàm có bất thiện gì thì đều được đoạn tan?9 Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại. Này các Tỷ-kheo, với các ông an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm

hại, suy tầm này sẽ được hành trì nhiều: "v&i cử chỉ uy nghi này, chúng ta không làm hại một ai, dầu là đang di động hay bất động?9 Này các Tỷ-kheo, hãy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, với các ông an trú hân hoan trong ẩn dật9 thích thú trong ẩn dật, suy tầm này sẽ được hành trì nhiều: “C6n có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ b6?” Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Như Lai, bậc Giác Ngộ, Bậc có thể nhẫn nại, Những gì mà người khác, Không có thê nhân nại, Hai suy tầm, vị ấy, Hành trì và thực hiện, Trước hết được nói đến9 Là an ổn suy tầm, Thứ đến là ẩn dật, Thứ hai được trình bày, Phá tan màn hắc ám, Đã đến bờ bên kia, Bậc Đại Sĩ đạt được? Quyền lực không lậu hoặc?

8 Tham chiếu: D. II. I, Mahãpadãnasutta (Kinh Đại bổri),số Ị4;ẠĂL 160, Pãsarãsỉsutta (Kỉnh Thảnh cầu), số 26; M. II. 91,Bodhirãịakumãrasutta (Kỉnh Vương tửBô-đề), sô 85; Vin. I. ly 1.298,Brahmãyãcanasutta (Kỉnh Phạmf thiên cẩu thỉnh); Xuất diệu kỉnh Laipham^ (7.04.0212.22.07l6bl6); Pháp tập yếu tụng kỉnh “Nhu Lai phẩm^, (T.04. 0213.21. 0787b22).

Đạt thân mạng tối hậu? Trong ái diệt giải thoát. Vị Ẩn Sĩ như vậy5 Chắc mang thân tối hậu, Ta nói rằng vị ấy, Từ bỏ được kiêu mạn, Thoát khỏi được già lão, Đạt được bờ bên kia. Như đứng trên tảng đá, Trên đỉnh núi đầu non, Đưa mắt nhìn xung quanh, Quần chúng dưới chân minh, ~ A A _ rin A Leo lên lầu Chánh pháp, Cũng vậy bậc Trí Tuệ, Biên nhãn5 không sâu muộn, Nhìn xuông đám quân sanh, Bị ưu tư sầu khổ, Bị sanh già áp bức. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH THUYẾT PHÁP (Desanãsutía) (It. 33) 39. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai? Hãy thấy ác là ác, đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thấy ác là ác, ở đây, hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly, đây là thuyết pháp thứ hai. Này các Tỷ-kheo? có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, cái này tiêp nôi cái kia. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với Như Lai, Phật-đà? Từ mẫn mọi chúng sanh, Hãy thấy lời thuyết giảng, Tuân tự pháp theo pháp; Hai pháp được trình bày5 Một là hãy nhìn rõ, Pháp ác là pháp ác? Và chính tại ở dây, Từ bỏ không tham đắm; Từ đây không tham đắm, Hãy làm cho an tịnh, Mọi khổ đau phiền não. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH MINH(yỉjjãsuttă) (It. 34) 40. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, vô minh đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện; tiếp theo là không xấu hổ, không sợ hãi tội lỗi. Này các Tỷ-kheo5 minh đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện; tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi tội lỗi. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Phàm có ác thú gì, Đời này và đời sau, Tất cả do vô minh, Làm gốc, làm cội rễ, Dục tham được cất chứa, Vì rằng kẻ ác dục,

Không xấu hổ, không kính, Từ đó nó khởi ác, Do vậy đi đọa xứ. Vậy hãy nên từ bỏ, Dục tham và vô minh, Muốn minh được sanh khởi, Tỷ-kheo cần từ bỏ9 Tất cả mọi ác thú. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH THỐI ĐỌA KHỎI TRÍ TUỆ (Pannãparihĩnasuttdỷ (It. 35) 41. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào bị thôi đọa khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy là thối đọa; ngay trong hiện tại, họ trú trong đau khổ, với tàn hại, với ưu não, với nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào không bị thối đọa khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy không có thối đọa; ngay trong hiện tại, họ trú trong an lạc, không có tàn hại, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Thối đọa khỏi trí tuệ, Hãy nhìn xem thế giới, Với hàng ngũ chư thiên, An trú trong danh sắc, Nghĩ rằng: "Bây sự that." Nhimg thù thắng ở đời, Lại chính là trí tuệ, Chính tuệ dắt dẫn đến, Thể nhập được Niết-bàn, Và chơn chánh quán tri, Sự hoại diệt sanh hữu. Chư thiên và loài người, Mong ước được chiêm ngưỡng, Chư Phật Chánh Đẳng Giác, Những bậc giữ chánh niệm, Đầy đủ với trí tuệ? Mang thân này cuối cùng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH PHÁP TRẮNG (Sukkadhammasuttd)^ (It. 36) 42. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời. Thế nào là hai? Xấu hổ và sợ hãi tội lỗi. Này các Tỷ-kheo? nếu hai pháp này không che chở cho9 10

9 Tham chiếu: Sn. 139, Dvayatãnupassanãsutta (Kinh Hai pháp tùy quảrì)\ Netti. 128, Sãsanapatthãna (Sự hình thành giảo pháp); Pe. 23, Sãsạnapatthãnadutỉyạbhũĩnỉ (Phần thứ hai về Sự hình thành giảo pháp); Pe. 60, Suttadhitfhanatatiyabhumi (Phân thứ ba vê Xác định vị trỉ của kinh); Pháp CU kinh "Dạo hànhphẩm^^(ro4. O21O.20. 0569a07);QPn(rÔ4. 0212.13. 068lb25); Pháp tạp yếu tụng kình 44Chánhđạo phẩm" (7^04? 0213.12. 0783a08). 10 Xem4 I. 47, Kammakaranasutta (Kinh Hình phạt); Thag. V. 1051.

đời, thời ở đây không có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay giữa vợ của bậc Giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào loạn luân như các loài dê9 cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho dời, cho nên ở đây có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay giữa vợ của bậc Giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Với những ai không có, Xấu hổ và sợ tội, Liên tục và thường xuyên, Họ lệch gốc pháp trắng, Họ đi đến sanh tử. Với những ai chánh trí, Xấu hổ và sợ tội? Liên tục và thường xuyên, Vững trú trên Phạm hạnh, Họ được sự an tịnh, Tái sanh được diệt tận. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã

được nghe.

§6. KINH KHÔNG SANH (Ajatasutta) ựt. 37) 43. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thì ở đây không thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì5 này các Tỷ-kheo? có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Có cái sanh, hiện hữu,11 Cái khởi lên, làm ra, Hữu vi không thường hằng, Tác thành ra già chết, Một ổ của bệnh hoạn, Mỏng manh, giòn, dễ vỡ9 Nhờ đồ ăn, tham ái, Nên mới được hiện hữu5 Vật ấy thật không đáng, Để hoan hỷ ưa thích. Thật có cái xuất ly,11 Ra khỏi được cái ấy, Thật có vượt lý luận, Thường hăng, không sanh khởi, Không có cái khởi lên, Con đường không câu uê, 9

Không đưa đến sầu muộn, Đoạn diệt các pháp khô? Sự tịnh chỉ mọi hành, An lạc thật tịnh lạc. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

11 Các câu kệ này rất quan Ượng, có liên hệ đến M. II. 67; Dh. V. 147-48. Câu cuối cùng giống Dh. V. 368.

§7. KINH NIẾT-BÀN GIỚI (Nibbãnadhãtusutta) ựt. 38) 44. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có hai Niết-bàn giới này. Thế nào là hai? Niết-bàn giới có dư y và Niết-bàn giới không có dư y. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại. Ngang qua các căn chưa hoại diệt ấy, vị ấy thọ nhận điều khả ý, cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới có dư y. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y? Ở dây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận9 Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở dây, đối với vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết- bàn giới không có dư y. Này các Tỷ-kheo có hai Niêt-bàn giới này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này, ở đây điều này được nói đến: Hai Niết-bàn giới này, Được vị có Pháp nhãn,12 Trình bày và thuyết giảng, Không y tựa như vậy. Một loại Niết-bàn giới, Ở đây thuộc hiện tại, Còn có các dư y, Tham sanh hữu bị diệt. Không dư y Niết-bàn, Lại thuộc về tương lai, Với vị đạt giới này, Mọi _ r hữu diệt hoàn toàn. Những ai với chánh trí, Biêt con đường vô vi, Tâm tư được giải thoát, Tham sanh hữu bị diệt. Những ai chứng đạt được, Gốc lõi của các pháp, Hoan hỷ trong diệt tận9 Những vị ây như vậy, Đã từ bỏ hoàn toàn, Tất cả mọi sanh hữu. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được

nghe.

§8. KINH THIỀN TỊNH (Patisallãnasutía) ựt. 39) 45. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo? hãy sống ưa muốn ẩn dật thiền tịnh (patisalỉãnamă). thích thú ẩn dật thiền tinh, chuyên chú nội tâm tịnh chi, không gián đoạn thiền

12 Chỉ cho Như Lai.

định (anirãkatạjjhãnã). thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống. Này các Tỷ-kheo, sống ưa muốn ẩn dật thiền tịnh, thích thú ẩn dật thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đên các ngôi nhà trông, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y chứng được quả Bât lai. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Những ai tâm an tịnh, Thông minh và thận trọng, Chánh niệm tu thiền định, Quán nhìn pháp chơn chánh, Không chờ đợi ham muôn5 Đối với các loại dục, ưa muốn không phóng dật, Sống an tịnh có mặt? Thấy được sự sợ hãi, Trong nêp sông phóng dật, Họ không bị thối đọa, Họ đen gan Niet-bàn. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH LỢI ÍCH CỦA HỌC TẬP (Sikkhãnisamsasutta)13 ựt. 40) 46. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo? hãy an trú cho lợi ích của học tập,14 cho trí tuệ tối thượng, cho cốt lõi giải thoát, cho niệm được tăng thượng. Này các Tỷ-kheo, an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tôi thượng, cho côt lõi giải thoát, cho niệm được tăng thượng, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y chứng được quả Bất lai. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Bậc Hữu học viên mãn, Không còn bị thối đọa, Đạt tối thượng trí tuệ, Thấy sanh được diệt tận. Ta nói chăc chăn răng, Ẩn sĩ Mâu-ni ấy, Mang sắc thân cuối cùng, Đã từ bỏ kiêu mạn9 Đã vượt qua bờ kia, Thoát khỏi sự già yếu. Do vậy hãy luôn luôn, Vui trong thiền, an tịnh, Nhiệt tâm và nỗ lực, Thấy sanh được diệt tận, Hỡi này các Tỷ-kheo, Hãy nhiếp phục ma quân, Tu tập vượt qua được, Thoát khỏi sự già chết. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

13 Tham chiếu: Pháp cú kinh yô thườngphầ^ (T.04. 0210.1. 0559a01); Pháp củ thỉ dụ kỉnh :YQm” (T.04. 0211.1. 0575Ồ11); Xuất diệu kinh yộ thường phẩm(7.04. 0212.1. 0609Ồ22); Pháp tập yếu tụng kinh Hữu vi phẩm^, (7.04. 0213.1. 0777a02). 14 Những vấn đề này được đề cập trong A. II. 243.

§10. KINH TỈNH THỨC ựãgariyasutta)1516 ựí. 41) 47. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo phải sống tỉnh thức, chánh niệm, tỉnh giác, an định, hoan hỷ, tín thành, và ở đây, quán tri đúng thời trong các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo9 với Tỷ-kheo sống tỉnh thức9 chánh

niệm, tỉnh giác, thiền định? hoan hỷ, tín thành, quán tri đúng thời trong các pháp thiện, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Được chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu có dư y, chứng được quả Bất lai. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Hỡi các bậc tỉnh thức, Hãy lăng nghe điêu này, Những ai còn nằm ngủ, Hãy thức dậy, tỉnh thức, Thức tỉnh là tốt hơn, Hơn kẻ đang nằm ngủ! Đối với người thức tỉnh, Không có sự sợ hãi, Người thức tính, thức giấc, Chánh niệm và tỉnh giác, An định tâm hoan hỷ5 Nhiệt tình đầy tín thành, Chơn chánh biết thời giờ, Thăng quán đên Chánh pháp, Đạt được sự nhất tâm? Quét sạch mọi tăm tối. Do vậy hãy tu tập, Thức tỉnh và nhiệt tình, Vị Tỷ-kheo thông minh, Thận trọng chứng cảnh thiền, Chặt đứt các kiết sử, Trói buộc sanh với già, Chính tại ở đời này, Chứng Chánh giác Vô thượng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§11. KINH ĐỌA LẠC VÀO KHỔ CẢNH (Âpãyikasuttà)ì6 (It. 42) 48. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo5 có hai hạng người bị đọa lạc? bị đọa vào địa ngục, nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ. Thế nào là hai? Ai sống phi Phạm hạnh, lại tự cho sống Phạm hạnh. Ai đối với người sống Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh5 lại buộc tội chỉ trích là phi Phạm hạnh không có căn cứ. Này các Tỷ-kheo? hai hạng người này bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ.

15 Tham chiếu: Pháp củ kinh "Duy niệm phẩm,9 (404. 0210.6.0561al6); Xuất diệu kinh “NI Php"(7.04. 0212.6. Pháp tập yếu tụng kỉnh “ức niệmphẩm^, (T.04. 0213.15. 0784ỒI4). 16 Tham chiếu: Dh. V. ,306, 3Q7;7 430. 89; Sn. 123, Kokãlikasutta (Kinh Kokãlika); Vỉn. III. 87; Pháp củ kinh uĐịa ngục phâm,, (T.04. 0210.30. 0570a05); p/zap củ kinh uLọi dưỡng phẩm^, (f04. 0210.33. 0571b26); Pháp cu kinh Sa-m0n phami,•(T.04. 0210.34. Ồ51ÌC29); Xuất diệukịnh uPhỉ báng phẩm4 (T.04. 0212.9. 0663cỊ8); Xuất dỉệụ Jdnh “Hành phẩm^, (7.04. 0212.10. 0668a04); Xuat diệu kinh uSa-m0npham^ (T.04. 0212.12. 0678aỊ7); PẤóp tậpyếu tụngkinh t4Ngungôn(T.04?0213.8. 078 lb03); Pháp tập yếu tụng kinh t4Sa-mỒn phẩm,9 o (7.04. 0213.11. 0782c02).

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:
Ai nói lời không chơn, Rơi vào cõi địa ngục,
Ai sau khi đã làm, Lại nói tôi không làm,
Họ đều là những người, Làm các nghiệp hạ liệt,
. A X 9
Cả hai sau khi chết, Đêu đông đăng như nhau, Ở trong cảnh đời sau. Lại có rât nhiêu người, Tuy mặc áo cà-sa, Họ không có chế ngự, Đối với các pháp ác, Do họ làm nghiệp ác, Họ phải sanh địa ngục. Tốt hơn đối với họ9 Là nuốt cục săt tròn, Cháy đỏ y như lửa, Còn hơn kẻ không giới, Không biết tự chế ngự, Nếu có ăn dùng gì, Các món ăn quốc độ. Ý nghĩa này được Thể Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§12. KINH TÀ KIẾN (Ditthigatasutta)^ ựí. 43) 49. Điều này đã được Thế Tôn nói đến5 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, chư thiên và loài người bị xâm chiếm bởi hai tà kiến, một sô người trì trệ, một sô người đi quá trớn; chỉ người có măt mới thây. Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số người trì trệ? Này các Tỷ-kheo, có chư thiên và loài người ưa muốn sanh hữu, vui thích trong sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt, sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có lãnh hội, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người trì trệ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số người đi quá trớn? Như có một số người lo âu, xấu hổ9 nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ phi sanh hữu. Họ nói: "Vi rằng khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt dứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chơn that." Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có mắt mới thấy? Ở dây, Tỷ-kheo thây sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thây sự sanh hữu là sanh hữu, vị ây hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Những r ai đã thây được, Sanh hữu là sanh hữu, Thây được sự vượt qua, Của sự sanh hữu ây, Những vị ấy giải thoát, Đối như thật hiện hữu,

17 Xem Ps. I. 135, Dịịthỉkathã (Giảng về kiến).

Vì nhờ đoạn diệt được, Tham ái đối sanh hữu. Nếu vị ấy liễu tri, Sanh hữu là sanh hữu, Vị ấy ly tham ái, Đối hữu và phi hữu, Tỷ-kheo quyết phi hữu, Đối với chính sanh hữu, Sẽ không còn đi đến, Sanh đi rồi sanh lại. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

CHƯƠNG III BAPHÁP (TIKANIPÃTA)

I. PHẨM THỨ NHẤT (PATHAMAVAGGA)

§1. KINH CĂN BẢN (Mũlasuttà)1 ựí. 44) 50. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Tham, sân, si được sanh, Từ chính bản thân mình, Hại lại người tâm ác, Như trái tre hại tre. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH GIỚI (Phãtusuttà) ựt. 45) 51. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba giới này. Thế nào là ba? sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. Này các Tỷ-kheo, có ba giới này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Ai liễu tri sắc giới,12 Không an trú vô sắc, Những ai được giải thoát, Đối với đoạn diệt giới, Các chúng sanh như vậy, Xả ly được thần chết. Với thân cảm giác được, Bất tử không sanh y, Xả ly từ bỏ hẳn, Sanh y đưa đến hữu, Sau khi tự chứng được, Không còn có lậu hoặc,

1 Xem s. I. 70, Purisasutta (Kỉnh Người); s. I. 98, Lokasutta (Kỉnh Thế gian). 2 Bài kệ này được tìm thấy ở Sn. 754.

Bậc Chánh đẳng Chánh giác Thuyết pháp con đường chánh, Không có gì sâu muộn, Trong sạch không câu uê. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH THỨ NHẤT VỀ CÁC THỌ (PaḶhamavedanãsuttăý (It. 46) 52. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này.3 4 Thế nào là ba? Lạc thọ5 khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Định tĩnh và tỉnh giác, Chánh niệm, đệ tử Phật5 Quán tri các cảm thọ, Sự sanh khởi các thọ, Chỗ các thọ được diệt, Con đường đưa đến diệt, Tỷ-kheo nhờ diệt thọ, Không ham muốn, tịch tịnh. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH THỨ HAI VỀ CÁC THỌ (Dutiyavedanãsutta)5 ựt. 47) 53. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, lạc thọ cần phải được xem như là khổ. Khô thọ cân phải được xem như là mũi tên. Bât khô bât lạc thọ cân phải được xem như là vô thường. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên5 đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải tỏa kiêt sử, đã chơn chánh thăng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Ai thấy lạc là khổ, Thấy khổ là mũi tên, Thấy bất khổ bất lạc, Thọ ấy là vô thường, Tỷ-kheo ấy thật sự, Đã thấy thật chơn chánh, Chính tại ở nơi đây, Từ đấy được giải thoát. Thành tựu được thắng trí, Bậc ẩn sĩ an tịnh, Chăc chăn đã vượt qua, Các ách phược trói buộc. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

3 Xem It. 48; s. IV. 204, Samãdhìsutta (Kinh Thiền định). 4 Kinh này được tìm thấy ở s. IV. 204. 5 Xem s. IV. 207, Datthabbasutta (Kỉnh cần phải quản kỉếrì)\ Thag. V. 981.

§5. KINH THỨ NHẤT VÈ TẨM CẦU (PaḶhamaesanãsutta)678ựt. 48) 54. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷkheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Dục tầm cầu, hữu tầm câu, Phạm hạnh tâm câu. Này các Tỷ-kheo, có ba tâm câu này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Định tĩnh và tỉnh giác, Chánh niệm, đệ tử Phật, Quán tri các tầm cầu? Sự sanh khởi tầm cầu, Chỗ các tầm cầu diet, Và con đường đến diệt. Tỷ-kheo do diệt tận, Các loại tầm cầu ấy, Không còn có ước muôn, Được lắng dịu, tịch tịnh. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH THỨ HAI VÈ TẦM CẦU (Dutìyaesanãsutta)1 (It. 48) 55. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế nào là ba? Dục tầm cầu, hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu. Này các

Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Dục và hữu tầm cầu, Cùng Phạm hạnh tầm cầu, Nêu chấp trước năm giữ, Chính đây là sự thật, Như vậy là chất chứa, Đủ mọi loại kiến xứ. Với ai không ham muôn, Đôi với các loại tham, Vị ấy được giải thoát, Nhờ diệt được khát ái, Tầm cầu được từ bỏ9 Kiến xứ được nhổ lên, Tỷ-kheo do diệt tận, Các loại tầm cầu ấy, Không còn có mong cầu, Không còn có nghi hoặc. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH THỨ NHẤT VÈ LẬU HOẶC (PaḶhamaãsavasuttdỷ (It. 49) 56. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu9 vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

6 Xem It. 46, 49; s. IV. 204, Samãdhỉsutta (Kỉnh Thiền định). 7 Xem 4 II. 41, Patilĩnasutta (Kỉnh Tránh nẻ). 8 Xem It. 46, 48; s. IV. 204, Samãdhỉsutta (Kinh Thiền định).

Định tĩnh và tỉnh giác, Chánh niệm, đệ tử Phật, Quán tri các lậu hoặc, Sự sanh khởi lậu hoặc, Chỗ các lậu hoặc diệt, Và con đường đến diệt. Tỷ-kheo đã diệt tận, Các loại lậu hoặc ấy, Không còn có ước muốn? Được lắng dịu, tịch tịnh. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH THỨ HAI VÈ LẬU HOẶC (Dutiyaãsavasuttà) ựt. 49) 57. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Này các Tỷ-kheo, có ba loại lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến: Ai đoạn trừ dục lậu, Ly tham, thoát vô minh, Hữu lậu được đoạn trừ, Giải thoát khỏi sanh y, Mang cái thân cuối cùng? Dẹp Ác ma, ma quân. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH KHÁT ÁI (Tanhãsuttdỷ qt 50) 58. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba? Dục ái9 hữu ái, phi hữu ái. Này các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, ý nghĩa này được nói đến: Trói buộc bởi ái triền, Tâm ưa hữu, phi hữu, Bị ma triền trói buộc, Chúng sanh ấy không được, An ổn khỏi ách nạn, Chúng sanh đi luân chuyển, Đến sanh rồi đến chết. Những ai đoạn được ái5 Ly ái hữu, phi hữu, Họ đến bờ bên kia, Trong thế giới hiện tại, Họ đã chứng đạt được, Các lậu hoặc đoạn tận. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH THẾ Lực CỦA Ác MA (Mãradheyyasutta) ựt. 50) 59. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

9 Tham chiếu: A. II. 52, Vìpallãsasutta (Kinh Điên đảq)\ Xuất diệu kỉnh "Aị phm"(T.04. 0212.3. 0632b21); Phấp tập yếu g "Tham phẩn” (T.04.
0213.1 0778b 16).

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma và chói sáng như mặt trời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ- kheo, vị Tỷ-kheo thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo9 vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma và chói sáng như mặt trời. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Giới, định và trí tuệ, Với ai khéo tu tập9 Vị ấy vượt qua khỏi, Thế lực của Ác ma, Và chói sáng, rực sáng, Như mặt trời chói sáng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

:.....

yM":

242 KINH TIÊU Bộ

n. PHẨM THỨ HAI (DUTIY4K4GGA)

§1. KINH PHƯỚC NGHIỆP sự (Punnakiriyavatthusutta)^ ựt. 51) 60. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này. Thế nào là ba? Phước nghiệp sự do bố thí tác thành, phước nghiệp sự do giới tác thành và phước nghiệp sự do sự tu tập tác thành. Này các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Hãy để cho người ấy, Học tập làm phước đức, Đem lại sự an lạc, Dài lâu và cao quý, Hãy tu tập bố thí, Tập sở hành an tịnh, Và tu tập từ tâm. Tu xong ba pháp ấy5 Những pháp khởi lạc thọ? Bậc hiền trí được sanh, Tại thế giới an lạc, Không phiền não, hận thù. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH MẮT (Cakkhusuttà)n ựí. 52) 61. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba con mắt này.10 12 Thế nao là ba? Mắt thịt, mắt chư 11 thiên và mắt trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có ba con mắt này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây? điều này đã được nói đến: Măt thịt, măt chư thiên, Vô thượng mắt trí tuệ, Có ba loại mắt ấy, Được bậc Vô thượng nhân, Đã tuyên bố trình bày. Mắt thịt nơi sanh khởi, Đưa đến mắt chư thiên, Khi nào trí khởi len, Tuệ nhãn là tối thượng, Ai chứng được mắt ấy, Giải thoát mọi đau khổ.

10 Xem It. 14, Mettasutta (Kinh Tâm từ); A. IV. 241, Punnakiriyavatthusutta (Kinh Phước nghiệp sự). 11 Xem Mỉln. 119, Sỉvịrãịqcakkhudãnapanha (Câu hỏi về hạnh bố thỉ mắt của Vua Sivi); Kv. 252, Dỉbbacakkhukatha (Vấn đề thiên nhãn). 12 Thường nói đến 4, theo thứ tự như sau: Nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn.

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 243

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH CĂN ựndriyasuttà)13 ựt. 53) 62. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba loại căn này.14 Thế nào là ba? Vị tri đươĩig tri căn, tri căn, cụ tri căn (căn "T6i sẽ biết điều chưa được biết"; căn về sự biết; căn của người đã biết). Này các Tỷ-kheo, có ba loại căn này. Thế Tôn đã

nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Vị Hữu học học tập5 Đi theo con đường thăng, Ở trong sự diệt tận, Trí thứ nhất khởi lên, Từ đó không gián đoạn. Tiếp theo là chơn trí, Chính từ chơn trí ấy, Đạt được sự giải thoát, Chắc chắn vị như vậy, Là vị có chánh trí, Giải thoát, ta bất động, Nhờ diệt hữu kiết sử. Vị đầy đủ các căn, Chắc chắn được an tịnh, Và ưa thích con đường, Đưa đến sự an tịnh, Mang thân thê cuôi cùng, Sau khi đánh bại được, Ác ma với ma quân. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH THỜI GIAN (Addhãsutta)15 ựt. 53) 63. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba thời gian này. Thế nào là ba? Thời gian quá khứ, thời gian tương lai, thời gian hiện tại. Này các Tỷ-kheo, có ba thời gian này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Chúng sanh cần tưởng đến, Những gì được tuyên bố, An trú thật vững vàng, Trên điều được tuyên bố, Nếu không có liễu tri, Điều đáng được tuyên bố, > ĩ Họ đi đến ách nạn, Dưới ách của thân chêt. Nếu đã liễu tri được, Điều đáng được tuyên bố, Vị ấy không nghĩ đến, Bậc đã tuyên bố lên,

13 Xem It. 103, Ẫsavakkhaya\ A. I. 231, Sekkhasutta (Kinh Hữu học); A. II. 17, Sokhummasutta (Kinh Tế nhị); Pe. 60. 14 Indrỉyãni, các căn với nghĩa là sức mạnh. Xem s. V 203 với nghĩa là phương pháp. Ở đây, ba căn này liên hệ đến tương lai, hiệnìại, quá khứ như được nói trong kinh ke tiếp, về căn thứ 3, Chủ giải giải thích như sau: Căn cua vị đã biết được đối với bốn sự thật, đã thành tựu những gì cần phải làm. 15 Xem s. I. 8, Samỉddhisutta (Kinh Samiddhí).

Chính nhờ có tâm ý, Cảm nhận sự giải thoát, Con đường thật an tịnh, Vô thượng không gì hơn. Ai thật được đầy đủ9 về điều đáng tuyên bố, Tự mình được an tịnh, Ưa thích đường an tịnh, Sống bình tĩnh, tinh tấn, An trú trên Chánh pháp, Vị ấy vượt tên gọi, Thành đạt được trí tuệ. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH ÁC HẠNH (Duccarítasutta)i617 ựt. 54) 64. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba ác hạnh này. Thế nào là ba? Thân ác hạnh, lời ác hạnh, ý ác hạnh. Này các Tỷ-kheo, có ba ác hạnh này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Làm ác hạnh về thân, Làm ác hạnh về lời, Làm ác hạnh về ý9 Và bất cứ hạnh gi, Đều được gọi hạnh ác. Không làm nghiệp lành nào, Làm nhiều nghiệp không thiện, Khi thân hoại mạng chung, Với trí tuệ hạ liệt, Vị ấy phải sanh vào, Trong cảnh giới địa ngục. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH THIỆN HẠNH (Sucarítasuttà)Ỵ1 (It. 55) 65. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo? có ba thiện hạnh này. Thế nào là ba? Thân thiện hạnh, ngữ thiện hạnh, ý thiện hạnh. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện hạnh này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Từ bỏ thân làm ác, Từ bỏ lời nói ác, Từ bỏ ý nghĩ ác, Và bất cứ hạnh gì, Được gọi là hạnh ác. Không làm các điều ác, Làm nhiều những thiện hạnh, Khi thân hoại mạng chung,

Với trí tuệ thù thắng, Vị ấy được sanh lên, Trong cảnh giới chư thiên. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

16 Tham chiếiE It. 24; A. III. 35ì,Inasutta (Kỉnh Mắc nợ); Dh. V., 140; Pháp củ kỉnh 4tĐao trượng phẩm,, (T.04. 0210.18. ,6565a29); diệu kỉnh 'Ac (T.04. 0212.29.
0741b24); Pháp tập yếu tụng kinh uTội chướng phẩm,, (f04. 0213.28. 0792al7).
17Xem". 25.

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 245

§7. KINH THANH TỊNH (Soceyyasutta)^ (It. 55) 66. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh18 này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, 1920 lời thanh tịnh, ý thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Thân và lời thanh tịnh, Và ý cũng thanh tịnh, Không có các lậu hoặc, Đầy đủ sự thanh tjnh, Vị như vậy được gọi, Đã từ bỏ tất cả. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH TỊCH MẶC (Moneyyasuttà)2Q ựt. 56) 67. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng21 này. Thế nào là ba? Thân trầm lặng, lời trầm lặng, ý trầm lặng. Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Thân và lời trầm lặng, Và ý cũng trâm lặng, Không có các lậu hoặc, Đầy đủ với trầm lặng, Của các bậc ẩn si, Được tên gọi là vị, Đã gột sạch điều ác. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH THỨ NHẤT VÈ THAM (Pathamarãgasutta) (It. 56) 68. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, với ai tham chưa đoạn tận, sân chưa đoạn tận? si chưa đoạn tận? này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người bị trói buộc với Ác ma, bị bẫy lưới của Ác ma bao trùm, bị làm theo ý Ác ma muốn. Này các Tỷ-kheo, với ai tham đã đoạn tận, sân đã đoạn tận, si đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người không bị trói buộc với Ác ma, được thoát khỏi bẫy lưới của Ác ma, không bị làm theo Ác ma muốn. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Với ai đã từ bỏ? Tham, sân và vô minh, Vị ấy được gọi là? Đã tu tập tự ngã9

18 Xem A. I. 272, Dutiyasoceyyasutta (Kinh thứ hai về thanh tịnh).

19 Xem 41 270; s. I. 78.

20 Xem A. I. 273, Moneyyasutta (Kỉnh Hạnh toàn hảo).

21 Xem Dili. 220; ^.1.273.

246 < KINH TIỂU Bộ

Đã trở thành Phạm thiên, Bậc Như Lai, Phật-đà9 Bậc đã vượt qua được, Hận thù và sợ hãi? Bậc Đoạn Tận Tất Cả, Được gọi danh như vậy. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH THỨ HAI VỀ THAM (Putìyarãgasuttà) ựt. 57) 69. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni22 nào, này các Tỷ-kheo, tham chưa đoạn tận, sân chưa đoạn tận, si chưa đoạn tận, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị chưa vượt qua đại dương với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá sấu, với các loài la-sát.23 Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, tham đã đoạn tận, sân đã đoạn tận, si đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị đã vượt qua đại dương với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài la-sát9 đã vượt qua bờ kia, là vị Bà-la-môn đã đứng trên đất lien. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Với ai đã từ b6, Tham, sân và vô minh, Vị ấy được gọi là, Đã vượt qua biên này, Với cá sấu, la-sát, Với sóng biển hãi hùng, Rất khó được vượt qua. Là vị vượt ác triền,24 Đã từ bỏ thần chết, Không còn có sanh y, Đã từ bỏ đau khổ, Không còn có tái sanh, Đã đi đến mục đích, Không thể ước lượng được, Ta nói răng vị ây, Làm Ma vương si ám. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

22 Lần đầu tiên trong tập này, Tỷ-kheo-ni được nói đến. 23 Xem s. IV. 154; 2 II. 123. 24 Có 5: Tham, sân, si, mạn, kiến.

m. PHẨM THỨ BA (TATIYAVAGGA)

§1. KINH TÀ KIẾN (MicchãditỊhikasuttà) . 58) 70. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Ta đã thây, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: “Này các Tỷ- kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục.,, Và này các Tỷ-kheo, vì răng Ta tự mình biêt, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?5 Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến: Dan ý vào đường tà? Nói những lời tà ngữ, Với thân làm nghiệp tà, Người ở đời làm vậy. ít nghe, ít học hỏi, Không làm các công đức, Ở đây sống trong đời, Với sanh mạng ít oi, Khi thân hoại mạng chung, Người ây với liệt tuệ, Bị sanh vào địa ngục. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH CHÁNH KIẾN (Sammaditthikasuttd) ựt. 59) 71. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh

kiến chi phối, sau khi thân

hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo? Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: "Này các Tỷ-kheo5 Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối5 sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.” Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Dan ý vào đường chánh, Nói những lời chánh ngữ, Với thân làm nghiệp chánh, Người ở đời làm vậy. Nghe nhiều học hỏi nhiều, Làm các việc công đức, Ở đây sống trong đời, Với sanh mạng ít oi, Khi thân hoại mạng chung, Người ây với trí tuệ, Người ấy làm như vậy? Được sanh lên cõi trời. Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH XUẤT LY (Nissaraniyasuttd) ựt. 60) 72. Điều này được Thế Tôn nói đến5 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo? có ba xuất ly giới này.25 Thế nào là ba? Sự xuất ly khỏi các dục5 tức là viễn ly. Sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Sự đoạn diệt cái gì được hiện hữu, được làm ra, được duyên khởi, là sự xuất ly cái ấy. Này các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Biêt được xuât ly dục, Vượt qua được các săc, Luôn nhiệt tâm tinh tân, Tịnh chỉ tất cả hành. Tỷ-kheo ấy thấy chánh, Từ đấy, chính ở đây, r Vị ấy được giải thoát, Thăng trí được viên thành, Sống nếp sống an tịnh, Vị ấy sống như vậy5 Thật sự là ẩn si, Đã vượt khỏi các ách. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến tôi đã được nghe.

25 XemZ). III. 239; A. III. 245.

§4. KINH AN TỊNH HƠN (Santatarasutta) 26 ựt. 61) 73. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo? các pháp vô sắc an tịnh tốt hơn các sắc pháp; đoạn diệt an tịnh tôt hơn các pháp vô săc. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: r r Chúng sanh đi đên săc, Có chúng trú vô sắc? Không quán tri đoạn diệt, Họ đi đến tái sanh. Những ai liễu tri sắc, Không an trú vô sắc, Chính trong sự đoạn diệt, Họ đạt được giải thoát, Các hạng người như vậy, Họ bỏ rơi thần chết. _z Với thân đạt đến được, Bât tử không sanh y, Sanh y được xả ly, Chứng được không lậu hoặc, Vị Chánh đẳng Chánh giác, Thuyêt giảng vê con đường, Con đường không sầu muộn, Con đường không cấu uế. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH CON TRAI (Puttasutta) ựt. 62) 74. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba hạng con trai này xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Ưu sanh, tùy sanh, liệt sanh. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là người con trai ưu sanh? Ở đây? này các Tỷ- kheo, cha mẹ của người con không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đăm say rượu men rượu nâu5 ác giới, theo các ác pháp. Còn người con của họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo9 từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 là người con trai iru sanh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai tùy sanh? Ở đây? này các Tỷ- kheo, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, giữ giới5 theo các pháp lành. Người con trai của họ cũng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đăm say rượu men rượu nâu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người con trai tùy sanh.

26 Xem s. I. 290, Cãỉãsutta (Kỉnh Cãỉã); Sn. 139, Dvayatãnupassanãsutta (Kinh Hai pháp tùy quản).

Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là người con trai liệt sanh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con trai này quy y Phật? quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo? từ bỏ đăm say rượu men rượu nâu, giữ giới, theo các pháp lành. Và người con của họ không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo5 không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, theo các ác pháp. Như vậy9 này các Tỷ-kheo, là người con trai liệt sanh. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng con trai này có mặt? xuất hiện ở đời. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Bậc hiền trí ước muốn, Con trai ưu, tùy sanh, Không ước muốn liệt sanh, Một gánh nặng gia đình. Đời có những con này, Trở thành nam cư sĩ, Sống đày đủ tín gi&i, Biết nghe lời người khác, Xa lìa sự xan tham, Những người con như vậy, Như trăng thoát đám mây, Chói sáng giữa hội chúng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH KHÔNG MƯA (Avutthikasuttd) ựt. 64) 75. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là ba? Hạng người như hạn hán, hạng người như mưa chỉ trong địa phương và hạng người như mưa đô xuông khăp tât cả. Và này các Tỷ-kheo? thế nào là hạng người như hạn hán không mưa? Ở dây, này các Tỷ-kheo, có người không bố thí cho ai cả; không cho đồ ăn, đồ uống, vải? xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa? đèn đuốc cho Sa-môn, Bà-la- môn? cho các người lang thang ăn xin nghèo khô, khôn cùng. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy là hạng người như hạn

hán không mưa. Và này các Tỷ-kheo9 thế nào là hạng người như mưa chỉ trong địa phương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có bố thí cho một số người, nhưng không bố thí cho một số người; dầu số người đó là Sa-môn, Bà-la-môn hay các người lang thang ăn xin nghèo khô, khôn cùng, họ không bô thí đô ăn, đô uông, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc. Này các Tỷ-kheo? hạng người như vậy là hạng người như mưa chỉ trong địa phương. Và này các Tỷ-kheo? thê nào là hạng người như mưa đô xuông khăp tât cả? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cho tất cả mọi người; cho đồ ăn? đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa? đèn đuốc cho các Sa-môn, Bà- la-mồn? cho các người lang thang ăn xin nghèo khổ, khốn cùng.

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 251

Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Không cho hạng Sa-môn? Không cho Bà-la-môn, Không cho kẻ khốn cùng, Không cho người ăn xin, Không san sẻ cho người, Những đồ thâu hoạch được, Như đồ ăn? đồ uống5 Cùng các vật thực khác, Hạng ây thật giông như, Hạn hán không mưa móc, Hạng người ấy được gọi9 Là hạng người hạ liệt. Không cho một hạng người, Chỉ lựa cho một số, Hạng ấy được hiền trí, Gọi là những hạng người, Chỉ mưa tại địa phương, Không mưa tại chỗ khác. Hạng người mưa bố thí, Cùng khắp tất cả chỗ. Có lòng thương từ mẫn, Đối với mọi hữu tình, Với tâm thật hoan hỷ9 Tung vãi cho cùng khắp, Hãy cho! Hãy cho nữa! Vị ây luôn nói vậy. Như mây dông gầm thét, Chớp sáng mưa đô xuông, Tràn ngập chỗ đất cao, Tràn đầy chỗ đất trũng, Chảy tràn với nước ngập. Cũng vậy ở đời này, Có một số hạng người, Hạng người giống như vậy. Thâu hoạch được đúng pháp, Tai san do no lực, Với đồ ăn5 đồ uống, Vi ấy chơn chánh đãi? Những chúng sanh khôn cùng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH HY VỌNG ĐƯỢC LẠC (Sukhapatthanãsutta)21 (It. 67) 76. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới. Thế nào là ba? “Mong rằng lời tán thán sẽ đến với ta", bậc Hiền trí hộ trì giới. uMong rằng, tài sản sẽ khởi lên cho ta”bậc Hiên trí hộ trì giới. "Mong răng khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời nAy", bậc Hiên trí hộ trì giới. Này các Tỷ-kheo, do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, ý nghĩa này được nói đến: Bậc Trí hộ trì giới, Hy vọng được ba lạc? Được khen, được tài sản, Đời sau sống hoan hỷ, Trong cảnh giới chư thiên. Nếu không làm điều ác, Nhtmg theo kẻ làm ác,27 Thì bị nghi làm ác,

27 Xem Thag. V. 608; J. IV. 432-36, Sattỉgumbạiãtaka (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; J. VI. 221-55, Mahanaradakassapajataka (Chuyện bạc Đại trỉ Nãrada Kassapà), so §545 (CST).

252 * KINH TIỂU Bộ

r e Và bị tăng tiêng xâu. Giông như người làm bạn, Giống như người làm theo, Người này giống người ấy, Giống như người cộng trú. Người theo, người được theo, Xúc chạm,

được xúc chạm, Như cây tên nhiễm độc? Nhiễm bó tên chưa nhiễm, Bậc Trí vì sợ nhiễm, Nên không bạn kẻ ác. Với ngọn cỏ kusa, Dùng gói đồ cá thúi, Kusa bay mùi thúi, Cũng vậy gần kẻ ngu. Còn người dùng ngọn lá, Gói hương tagara, Ngọn lá bay mùi thơm, Cũng vậy gân bậc Trí, Do vậy nhờ nghĩ đến, Cái giỏ băng lá ây, Biết được những cái gì, Sẽ rơi vào tự mình, Bậc Hiền trí không theo, Những hạng ngườd bất thiện, Chỉ biết làm bạn thân, Những người lành hiền thiện. Những kẻ ác bất thiện, Dắt dẫn đến địa ngục, Còn những kẻ tốt lành, Đạt đến cảnh thiện thú. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH BIẾN HOẠI (Bhidurasuttă) ựt. 69) 77. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo5 thân này bị biến hoại, thức bị lụn tàn9 tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự thay đổi. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, ý nghĩa này được nói đến: Biết thân bị biến hoại, Còn thức bị lụn tàn, Thấy sợ trong sanh y, Hiểu được sanh và chết, Sau khi chứng đạt được, Sự an tịnh tối thượng, Tự ngã được tu tập, Chỉ còn đợi thời gian. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH KẾT GIAO TÙY THEO BẢN CHẤT (phãtusosamsandanasuttàỹ^ ựt. 69) 78. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, các chúng sanh tùy theo bản chât giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các

28 Tham chiếu: s. II. 155, Cankamasutta (Kinh Đi cùng nhaù); s. II. 157, Sagãthãsutta (Kinh Có kệ); Thag. V. 147, 264, Tạp,(T.02. 0099.446. 0H5al2); Thp.(T.02. 0099.448. 01l5b24).

chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng. Này các Tỷ-kheo, trong thời gian quá khứ, các chúng sanh tùy theo bản chất đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng. Này các Tỷ-kheo? trong thời tương lai, các chúng sanh tùy theo bản chất sẽ giao thân, sẽ chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng. Này các Tỷ-kheo? hiện nay cũng vậy? trong thời hiện tại, các chúng sanh tùy theo bản chất giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Rừng dục được sanh lên, Chính do sự cộng trú, Rừng dục được chặt đứt, Chính nhờ không cộng trú; Như leo tấm gỗ nhỏ, Bị chìm dưới sông lớn, Cũng vậy nếu đi đến? Vơi kẻ lười biếng nhác, Bậc sống đời tốt lành, Rồi cũng bị chìm luôn. Do vậy hãy tránh xa, Kẻ lười không tinh tấn! Hãy chung sông cộng trú, Vơi bậc Thánh viễn ly! Với những bậc tinh cần, Sống trong cảnh

thiền định, Với những vị thường xuyên, Siêng năng và can mân. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH TỔN GIẢM (Parihãnasutta) (It. 71) 79. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: r 7

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đên tôn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học ưa thích công việc, thích thú công việc, đam mê ưa thích công việc; ưa thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, đam mê ưa thích nói chuyện; ưa thích nằm ngủ, thích thú nằm ngủ, đam mê ưa thích nằm ngủ. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học. r 7

Này các Tỷ-kheo9 có ba pháp này không đưa đên tôn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học không ưa thích công việc, không thích thú công việc, không đam mê ưa thích công việc; không ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không đam mê ưa thích

\ A

nói chuyện; không ưa thích năm ngủ, không thích thú năm ngủ, không đam mê ưa thích nằm ngủ. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Tỷ-kheo thích công việc, Thích thú trong nói chuyện. Và ưa thích năm ngủ, Sống dao động5 trạo cử, Vị Tỷ-kheo như vậy? Không thể nào chứng ngộ, Chứng Bồ-đề tối thượng. Do vậy đối vị ấy, Cần phải ít công việc, Phải ít sự nằm ngủ, Không được có tháo động, Vị Tỷ-kheo như vậy, Mới có thể chứng được, Chứng tối thượng Bồ-đề. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

IV PHẨM THỨ Tư (CATUTTHAVAGGA)

§1. KINH SUY TÀM (Vìtakkasuttã) ựt. 72) 80. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này. Thế nào là ba? Tầm tư liên hệ đến tự đề cao mình; tầm tư liên hệ đến lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; tầm tư liên hệ đến lo lắng cho người khác. Này các Tỷ-kheo9 có ba tầm tư bất thiện này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Ai có sự liên hệ, Tự đề cao chính mình, Liên hệ đến lợi dưỡng, Cung kính và tôn trọng, Ai ưa thích, vui thích, Làm thân, làm bạn hữu, Những vị ây đứng xa, Diệt tận các kiết sử. Ai từ bỏ con cái, Từ bỏ các loài vật, Từ bỏ các lễ cưới, Bỏ cất chứa tài sản, Tỷ-kheo ấy có thể, Chứng Bồ-đề vô thượng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH CUNG KÍNH (Sakkãrasutta)29 ựt. 73) 81. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh30 bị cung kính chinh phục, bị tâm cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại

mạng chung bị sanh vào cõi dữ5 ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

29 Xem s. II. 231, Sagāthakasutta (Kinh Có kệ); Thag. V. 981, Sārịputtattheragāthā (Kệ ngôn của Trưởng lão Sāriputtd). 30 Xem s. I. 232.

256 KINH TIỂU Bộ

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo? Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục? tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ? ác thú9 đọa xứ, địa ngục?5 Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra nên Ta tuyên bô răng: “Này các Tỷ-kheo5 Ta đã thây các chúng sanh bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị không cung kính chinh phục5 tâm bị không cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú? đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục5 tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục." Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Ai khi được cung kính, Khi không được cung kính, Trong cả hai trường hợp, Tâm định không lay chuyển, Sống hạnh không phóng dật, Tâm thường nhập thiền tư, Với tâm tưởng tế nhị, Chánh quán các sở kiến, Ưa thích chấp thủ diệt, Được gọi bậc chân nhân. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH TIẾNG NÓI CỦA CHƯ THIÊN (Devasaddasutta) ựt. 75) 82. Điều này đã được Thế Tôn nói đến5 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo5 giữa chư thiên? có ba tiêng chư thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên. Thế nàọ là ba? Này các Tỷ-kheo? khi nào bậc Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa9 nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư thiên được vang lên: "Vị Thánh đệ tử này nghĩ đến chiến đấu với Ác ma." Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư thiên thứ nhất, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư thiên, tùy thời được khởi lên. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử sống chuyên tâm tu tập về bảy Bồ-đề phần? trong khi ấy, này các Tỷ-kheo? tiếng chư thiên được vang

lên: Thánh đệ tử này chiến đấu với Ác ma." Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư thiên thứ hai, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư thiên, tùy thời được khởi lên. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? khi nào bậc Thánh đệ tử, với sự diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư thiên vang lên: uVị Thánh đệ tử này đã chiến thắng trong chiến trận, đứng đầu trong chiến trận, sau khi chiến thắng, vị ấy an trú.” Này các Tỷ-kheo? đây là tiếng chư thiên thứ ba, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư thiên, tùy thời được khởi lên. Này các Tỷ-kheo, giữa chư thiên, có ba tiếng chư thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Thấy đệ tử Chánh giác, Chiên thăng trong chiên trận, Chư thiên cũng đảnh lễ, Bậc vĩ đại như vậy. Bậc trí tuệ chín muồi, Chúng tôi đảnh lễ Ngài, Người được luyện thuân thục! Vì Ngài đã chiến thắng, Trận đánh rất khó thắng, Ngài đã chiến thắng được, Quân đội của thần chết, Không còn trở ngại gì, Nhờ giải thoát của Ngài. Như vậy các thiên nhân, Đảnh lễ vị như vậy, Vị đạt được mục dí ch,31 r • Chăc chăn các thiên nhân, Đảnh lễ trong vị ấy, Pháp gì giúp thoát được5 Khỏi thần chết chi phối. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH NĂM TƯỚNG XUẤT HIỆN TRƯỚC (Pancapubbanimittasuttaý2 (//. 76) 83. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo? khi nào một thiên nhân mạng chung từ bỏ thân chư thiên, có năm tướng xuất hiện ra trước: Các vòng hoa héo úa9 áo quần bị uế nhiễm, mồ hôi chảy ra từ nách, thân sắc trở thành xấu xí, thiên nhân không hoan hỷ tại chỗ ngồi chư thiên. Này các Tỷ-kheo, chư thiên sau khi biết thiên tử này mạng chung, nói ba lời để cổ vũ: "Từ đây, Hiền giả hãy đi đến cõi lành! Sau khi đi đến cõi lành, hãy nhận được những gì khéo nhận được! Sau khi nhận được những gì khéo nhận được, hãy khéo an trú!”

31 Xem M. I. 4; s. II. 229; V. 237. 32 Xem Ap. I. 195, Ekacỉntỉkattheraapạdãna (Kỷ sự về Trưởng lão Ekacintika); Ap. I. 205, Niggundipupphiyattheraapadana (Kỷ sự về Trưởng lão Niggundipupphiyci).

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là đi đến cõi lành của chư thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư thiên? Bạch Thế Tôn? thế nào được gọi là khéo an trú của chư thiên? Này các Tỷ-kheo? được địa vị làm người, được gọi là đi đến cõi lành của chư thiên. Khi được địa vị làm người, được lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư thiên. Khi lòng tin được nhập vào, được an trú thành gốc rễ, kiên trì, khồng bị làm tan nát33 bởi Sa-môn, Bà-la-môn? Thiên, Nhân? Ác ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời thì được gọi là khéo an trú của chư thiên. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Khi nào vị thiên nhân, Từ bỏ thân chư thiên, Vì thọ mạng đã hết, Ba tiếng được thốt lên5 Do chư thiên an ủi9 Cổ vũ khiến hoan hỷ: Từ đây, này Hiền giả5 Hãy đi

đến cõi lành, Cộng trú với loài người; Khi đã được làm người, Trong Chánh pháp vi diệu, Hãy lấy được lòng tin, Lòng tin ấy vô thượng; Hiền giả hãy thâm nhập, Vào trong lòng tin ấy, An trú thành gốc rễ, Cho đến trọn sanh mạng, Không bị làm tan nát5 Trong Diệu pháp khéo giảng; Từ bỏ thân làm ác, Từ bỏ lời nói ác? Từ bỏ ý nghĩ ác? Và mọi hành động khác, Được xem là thuộc ác; Thân làm các hạnh lành, Làm nhiều lời nói lành, Sau khi ý nghĩ lành, Vô lượng không sanh y; Rôi làm các công đức, Cho sanh y đời sau, Làm xong nhiêu công đức, Với bố thí rộng rãi, Rồi an trú người khác, Bị tử vong chi phối, Trong đời sống Phạm hạnh, Trong Chánh pháp vi diệu, Với lòng từ mẫn này, Chư thiên khi biết được, Một thiên nhân mạng chung, Liền nói lời cổ vũ: "Thiên nhân hãy đến dây, Hãy đến lại nhiều lAn!" Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH LỢI ÍCH CHO NHIỀU NGƯỜI (Bahỉỳanahitasutta) ựt. 78) 84. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

33 XemS. V.219.

CÓ ba hạng người này xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi h, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, vò Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đệ tử của bậc Đạo sư ấy, bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích của mình đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, đã giải thoát nhờ chánh trí. Vị ây thuyêt pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn5 có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ- kheo9 đây là hạng người thứ hai xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiêu người, an lạc cho nhiêu người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? đệ tử bậc Đạo sư ấy là bậc Hữu học? đang đi trên con đường, vị nghe nhiêu, giới câm được gìn giữ. Vị ây cũng thuyêt pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo5 đây là hạng người thứ ba xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây9 điều này được nói đến: Bậc Đạo sư ở đời, Đại ẩn sĩ thứ nhất; Tiếp nối theo vị ấy, Là đệ tử Đạo sư, Đã tu tập tự ngã; Tiếp đến bậc Hữu học, Đang đi trên con

đường, Bậc nghe nhiều học nhiều, Bậc giới cấm đầy đủ; Ba vị tối thượng này, Giữa chư thiên, loài người, Bậc tác thành hào quang, Bậc tuyên bố Chánh pháp, Mở toang cửa bất tử, Đã giúp đỡ nhiều người, Thoát ly khỏi ách nạn. Những ai tùy bước theo, Con đường khéo thuyết giảng, Bởi bậc Vô Thượng S[Bậc Dẫn Đầu Lữ Hành,

Vị ấy tại đời này, Chấm dứt mọi khổ đau, Những vị không phóng dật, Trong giáo lý Thiện Thệ. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH TÙY QUÁN BẤT TỊNH (Ąsubhãnupassĩsuttă) ựt. 80) 85. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân; hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, khi sống tùy quán bất tịnh trên thân, tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ; khi khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng vê nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phân vào tôn hại không có; khi sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành, thời vô minh trừ diet, minh được khởi lên. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Quán bất tịnh trên thân5 Niệm thở vô thở ra, Tịnh chỉ tất cả hành, Thường nhiệt tâm, chánh kiến, Vị Tỷ-kheo như vậy, Đã thấy rất chơn chánh, Từ đấy ở nơi đây5 Vị ấy được giải thoát, Thắng trí được thành tựu, Lắng dịu thật an tịnh, Vị ẩn sĩ như vậy, Chắc vượt khỏi ách nạn. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH TUẦN Tự HÀNH TRÌ GIÁO PHÁP (DhammãnudhammapaĮipannasutta)34 ựí. 81) 86. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Với vị Tỷ-kheo hành trì tùy pháp đúng pháp, đây là cách thức đúng đắn đê giải thoát những chữ: "Thực hành tùy pháp đúng pháp.” Khi vị ây nói, vị ây nói đúng pháp, không phải phi pháp; khi vị ây suy tư, vị ây suy tư với suy tư đúng pháp, không phải suy tư phi pháp. Do từ bỏ hai điều ấy, vị ấy trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Thích pháp, hân hoan pháp, Suy tư trên Chánh pháp, Tỷ-kheo tùy niệm pháp, Chánh pháp không tổn giảm;

34 Tham chiếuzZ)/z. V. 64; Thag. V. 101,8; Pháp củkỉnh 46Sa-môn phẩm,, (T.04. 02,10.34. 0511c29Ỵ Xuât diệu kinh ”(T.04. 0212.33. 0764c 15); Pháp tập yêu tụng kỉnh í4Bật-sô phẩm” (r.04. 0213.32. 0796b 16).

Khi đi hoặc khi đứng, Khi ngồi hoặc khi nằm, Nội tâm được chế ngự, Vị ấy đạt an tịnh. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH TÁC THÀNH MÙ (Andhakaranasutta) 35 (It 82) 87. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba tầm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba? Này các Tỷ-kheo, dục tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ

đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, sân tầm tác thành mù9 tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, hại tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo? có ba tâm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mat, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diet, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tầm này5 tác thành không mù9 tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết- bàn. Thế nào là ba? Viễn ly tầm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Vô sân tầm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại? đưa đến Niết-bàn. Vô hại tầm, này các Tỷ-kheo5 tác thanh không mù, tác thành mắt, tác thành trí? làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tầm này? tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây5 điều này được nói đến: Hãy suy tư, suy tâm, Ba tâm thuộc chánh thiện, Đối ba tư duy ác, Hãy từ bỏ lánh xa. Vị ấy chắc chế ngự, Hành tướng các tư duy, Như cơn mưa dẹp sạch, Các bụi bặm chất chứa. Ỵị ấy thật chắc chắn, An tịnh tầm với tâm, Ở đây vị ấy dạt, Con đường an tịnh đạo. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

35 Tham chiếu: s. V. 97, Nivaranasutta (Kỉnh Triền cải); Tạp.(T.02. 0099.706. 0189c02); Pháp củ kỉnh "Bạo hành phẩm,, (T.04. 0210.28. 0569al7); Xuất diệu (7Ì04. 0212.13. 068 Ỉb25); Pháp tạp yếu tụng kỉnh "Chánhđạo phẩm" (r.oi 0213.12. 0783a08).

§9. KINH CẤU UẾ TRONG THÂN (Antarãmalasuttdý6 (It. 83) 88. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này. Thế nao là ba? Tham, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Sân, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Si, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Tham sanh ra bất hạnh, Tham làm tâm dao động, Tham chính là sợ hãi, Sanh ra từ bên trong, Loài người không rõ biết, Loại tham đặc biệt ấy, Người tham không biết rõ, Đâu chính là lợi ích, Người tham không thấy được, Đâu chính là Chánh pháp, Mù lòa và tối tăm, Sẽ xuất hiện có mặt, Ở nơi một người nào, Có tham cùng chung sống; Ai đoạn trừ được tham, Không tham vật đáng tham, Với ai tham đoạn trừ, Như giọt nước lá sen. Sân sanh ra bất hạnh, Sân làm tâm dao động, Sân chính là sợ hãi, 9 r Sanh ra từ bên trong, Loài người không rõ biết, Lòng sân đặc biệt ấy, Người sân không biết rõ, Đâu chính là lợi ích, Người sân không thấy được? Đâu chính là Chánh pháp, Mù lòa và tối tăm, Sẽ xuất hiện có mặt, Ở nơi một người nào, Có sân

cùng chung sông; Ai đoạn trừ được sân, Không sân việc đáng sân, Với ai sân đoạn trừ, Như quả cây tãla, Được chặt đứt khỏi cành. Si sanh ra bất hạnh, Si làm tâm dao động, Si chính là sợ hãi, Sanh ra từ bên trong, Loài người không rõ biết, Lòng si đặc biệt ấy, Người si không rõ biết, Đâu chính là lợi ích, Người si không thấy được, Đâu chính là Chánh pháp, Mù lòa và tối tăm9 Sẽ xuất hiện có mặt, Ở nơi một người nào, Có si cùng chung sống;36 Ai đoạn trừ được si,

36 Xem 4 IV. 94, Kodhanasutta (Kinh Phẫn nộ)\ MNỈd. 1, 338, 444.

Không si việc đáng si, Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám? Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.
Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.
§10. KINH DEVÃDATTA (Devadattasutta)31 (It. 85) 89. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba Phi diệu pháp, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở dấy, không thể cứu chữa. Thế nào là ba? Bị chinh phục bởi ác dục, với tâm bị ác dục xâm chiêm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiêp ở đây, không thể cứu chữa. Bị chinh phục bởi ác bằng hữu, với tâm bị ác bằng hữu xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đấy, không thê cứu chữa. Dâu cho còn có những thượng pháp cân phải làm, do đạt được những chứng đắc đặc biệt, nhưng chỉ có giá trị tầm thường, Devadatta đã dừng lại giữa đường. Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba Phi diệu pháp này, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở dấy, không thể cứu chữa. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Người khởi lên ác dục, Không được sanh đời này, Được biết nhờ điểm này, Sanh thú người ác dục. Ta được nghe như sau, về Devadatta: Được biết là hiền trí, Được nhận có tự ngã, Đã đứng được chói sáng, Chói sáng với danh vọng, Tự xem mình bằng Ngài, Đã chống lại Như Lai, Do vậy bị rơi vào, Cõi địa ngục A-tỳ, Với bốn cửa đóng chặt, Đầy đủ những sợ hãi. ỉ Chăc chăn ai xâm phạm, Vị không có ác tâm, Vị không làm điều ác, Phải cảm xúc ác ấy, Vì tâm bị uế nhiễm, Không có biết tôn trọng. Ai nghĩ làm ô nhiễm, Toàn cả bể đại dương, Với các ghè đựng dầy, Đầy cả với thuốc độc, Không thể ô nhiễm được, Vì đại dương quá lớn. Cũng vậy đối Như Lai, Ai lấy lời làm hại, Vị đường đi chơn chánh, Vị có tâm an tịnh, Lời nói không đụng tới,37 Bậc chứng ngộ như vậy.

37 Tham chiếu: Vìn. II. 180; V. 115; “ 1ĩ(04. 0212.15. 0693b 19);
Pháp tập yêu tụng kỉnh "Oán gia phâm"(r04. 0213.14. 0784a 14).

Bậc trí cân làm bạn, Với một người như vậy5 Cân phải gân thân cận, Với người được như vậy; Tỷ-kheo cùng đi theo, Một tuyên đường người ây? Vị ấy sẽ đạt đến, Sự đoạn diệt khổ đau. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

V PHẨM THỨ NĂM (PANCAMAVAGGA)

§1. KINH TÍN THÀNH TỐI THƯỢNG (Aggappasãdasuttdý^ ựt. 87) 90. Điều này đã được Thế Tôn nói đến5 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:38 39 - Này các Tỷ-kheo, có ba tín thành tối thượng này. Thế nào là ba? Này các Tỷ-kheo9 so sánh các chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân hay nhiêu chân; có săc hay không có săc; có tưởng, không có tưởng, hay không có tưởng và không không có tưởng; Như Lai được xem là tối thượng đối với chúng, tức là bậc A-la-hán Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỷ-kheo? những ai có lòng tín thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thục là quả tối thượng. Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng đối với họ, tức là say đắm bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp thủ được nhổ lên5 lưu chuyển bị cắt dứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo9 những ai có lòng tín thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thục là quả tối thượng. Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, Tăng chúng đệ tử của Như Lai được xem là tối thượng, tức là bốn đôi tám vị.40 Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, này các Tỷ-kheo, có ba quả dị thục là quả tối thượng. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến: Những ai có lòng tin, Lòng tin nơi tối thượng, Chính là sự rõ biết, Biết Chánh pháp tối thượng; Những ai có lòng tin, Nơi đức Phật tối thượng, Bậc Vô thượng xứng dáng, Xứng đáng được cúng dường;

38 Tham chiếu: s. V. 41; A. II. 34; III. 35; Tạp.(T.02. 0099.902-904. 0225c21-0226a02); Tăng. (T.02. 0125.21.1.0601C27). 39 Kinh này được tìm thấy trong A. II. 34, nhưng nói đến 4 pháp và thêm 8 chánh đạo. A. III. 35 cộng thêm các đức hạnh của bạc Thih làm thành 5 pháp. 40 Dự liru, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán, 4 đạo và 4 quả thành 8.

Những ai có lòng tin, Nơi Chánh pháp tối thượng, Những pháp rời bỏ tham, An tịnh thật tịnh lạc; Những ai có lòng tin, Nơi Tăng chúng tôi thượng, Những ruộng phước công đức, Vô thượng không gì hơn; Những ai đa bố thí, Với đối tượng tối thượng, Công đức được tăng trưởng, Tăng trưởng đến tối thượng, Thọ mạng được tối thượng, Dung sắc cũng tối thượng, Danh vọng, tiêng đôn tôt, An lạc và sức mạnh. Bậc trí có bố thí, Bố thí vị tối thượng, Vị định tĩnh thiền định, Trong Chánh pháp tôi thượng, Chư thiên hay loài người, Đạt được sự tối thượng, Họ sung sướng hân hoan. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH NGHÈ NUÔI SỐNG (Jĩvikasutta)4Ỵ (It. 89) 91. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo? nghĩa này là nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực. Này các Tỷ-kheo5 danh

từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi noi." Tuy vậy, chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những nệười sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ây vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ9 vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống, nhưng vì nghĩ rằng: "Nay ta bị rơi vào sanh-già-chết-sầu-bi-khổ-ưu-não9 bị khổ tràn đây, bị khô chinh phục; rât có thê, một sô phương pháp châm dứt toàn bộ khô uẩn này có thể trình bày?9 Này các Tỷ-kheo5 thiện nam tử này xuất gia như vậy, tham ái trong các dục, với lòng tham sâu dày, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại. Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lắm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng, này các Tỷ-kheo, Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Tài sản ở gia dinh, Được đoạn tận, từ bỏ, Nhimg khó dự phần được, Mục đích Sa-môn hạnh,

41 Tham chiếu: Dh. V. 307,308; It. 42; Vìn. III. 87; Pháp ;:ịajigục phẩm^, (7.04. 0210.30. 0570a05); Pháp củ kinh^Lgi dưỡng phẩm^,04. 0210.33. 0571b26); Pháp cukinh :Sa-m6n phẩm,A (T.04. 0210.34. Ỏ571c29); Xuất di^ kinh^ỉỉằrửi ph” (T.04. 0212.10. 0668a04); Xuất diệu kỉnh i4Sa-mon ph^n^(7.04 0212.12. 0678al7); Pháp tập yếu tụng kỉnh í4Sa-môn phẩm,, (T04. 0213.11. 0782c02).

Tự đưa đến tổn hại, Và đưa đến tán loạn,
Giông que lửa thiêu xác, Đi đến chỗ hoại vong.
Lại có rất nhiều người, Tuy mặc áo cà-sa,
Nhưng họ không chế ngự5 Đôi với các pháp ác5
Do họ làm nghiệp ác, Nên phải sanh địa ngục.
Tốt hơn đối với họ, Là nuốt hòn sắt tròn,
Cháy đỏ ỵ như lửa, Còn hơn không giữ giới,
Không biết tự chế ngự, Nếu có ăn dùng gi,
Các món ăn quôc độ.
Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH VIÈN Y TẢNG-GIÀ-LÊ (Sanghatikannasutta) ựt. 90) 92. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viền y Tăng-già-lê đi theo sau limg Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ây có tham ái trong các dục, với lòng tham sâu dày, với tâm sân hận5 ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ây. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo ấy không thấy pháp, do không thấy pháp nên không thấy Ta. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ây không có tham ái trong các dục, không có lòng tham sâu

dày, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác5 chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chê ngự, vị ây gân hăn Ta và Ta gân vị ây. Vì cớ sao? Này các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo ấy thấy pháp, do thấy pháp nên thấy Ta. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Nếu có thể bước theo, Nhưng nhiều dục bực phiền, Hãy xem người như vậy, Thật là xa rất xa, Xa giữa người ái dục, Và người không ái dục5 Xa giữa người lắng dịu5 Và người không lắng dịu? Xa giữa người tham ái5 Và người đã trư ái. Sau khi thắng tri pháp, Bậc hiền trí biết pháp, Như ao không gió thổi, Không dao động, tịnh chí, Hãy xem người như vậy, Thật là gân rat gân, Gần giữa người không ái, Và người không có ái, Gần giữa người lắng dịu, Và người được lắng dịu5 Gần giữa người không tham, Và người trừ tham ái. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH LỬA (Aggisuttd) (It. 92) 93. Điều này đã được Thế Tôn nói đến5 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba? Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Lửa tham đốt cháy người, Say mê trong các dục? Còn lửa sân đốt cháy? Những người có sân hận, Những người giết, sát hại? Các loài có sanh mạng, Còn lửa si đốt cháy, Những kẻ bị mê muội, Những kẻ không tinh luyện, Trong giáo pháp bậc Thánh. Do không được biết rõ? Các loại lửa như vậy, Nên loài người ưa thích, Vui thích với có thân; Họ làm cảnh địa ngục, Được lớn mạnh tăng trưởng, Kể cả giới bàng sanh, Chỗ sanh xứ súc vật, Cùng với a-tu-la, Với cảnh giới quỷ đói? Họ không được thoát khỏi, Trói buộc của Ác ma. Nhưng ai ngày và đêm, Chú tâm vào chuyên học? Học những lời giảng dạy, Bậc Chánh đẳng Chánh giác, Họ làm cho lắng dịu? Ngọn lửa của lòng tham, Luôn luôn ý thức được? Tánh bất tịnh sự vật; Với lòng thương từ mẫn, Những hạng người tối thượng, Làm lắng dịu, tịnh chí, Ngọn lửa của sân hận; Còn ngọn lửa si mê, Với trí tuệ dập tắt, Trí tuệ này đưa đến, The nhập vao chan ly, Bậc thận trọng sáng suốt, Ngày đêm làm lắng dịu, Các loại lửa nhưr vậy, Không có biết mệt mỏi, Họ viên tịch Niêt-bàn, Không một chút dư sót, Họ vượt thoát khổ đau, Không một chút dư tàn. Những bậc Thánh đã thấy, Bậc trí tuệ hiểu biết, Là những bậc Hiền trí, Thấy được nhờ chánh trí5 Do họ thắng tri được, Sự diệt tận của sanh, Nên họ không đi dến, Sanh đi rồi sanh lại. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH QUÁN SÁT (Upaparìkkhasutta) ựt. 93) 94. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào? như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ây đôi với ngoại trân không có tán

loạn, không có tản rộng; nội tâm không bị xâm chiếm, không chấp thủ, không bị khủng bố.42 Này các Tỷ-kheo, khi thức của vị ấy đối với ngoại trần không bị tán loạn, không bị tản rộng; nội tâm không bị xâm chiếm, khonệ chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không

có sự sanh khỏi, sự tập khởi của khổ ve sanh, già, chết trong tương lai. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Tỷ-kheo đã đoạn tận, Cả bảy loại trói buộc,43 Đã châm dứt tham muôn, Vòng sanh tử luân chuyên, Đã đoạn tận, chặn đứng, Vị ây không tái sanh. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH DỤC SANH KHỞI (Kãmũpapattìsutta) ựt. 94) 95. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi của dục. Thế nào là ba? Dục đối với sự vật hiện tại, sự thích thú đối với sự vật mình tạo ra, sự chi phối sự vật do người khác tạo ra. Này các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi này của dục. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Những ai có lòng dục5 Đối sự vật hiện tại? Và các loại chư thiên, Chi phôi các sự vật, Do người khác tạo ra? Chư thiên ưa thích thú, Đối sự vật mình tạo, Cùng các chúng sanh khác, Thọ dụng các loại dục. Họ không vượt qua được, Vòng sanh tử luân hôi, Hiện hữu nơi dây, kia. Biết nguy hiểm như vậy, Trong thọ dụng các dục, Thái độ người hiên trí, Từ bo tất cả dục, Dầu thuộc về chư thiên, Và dục thuộc loài người. Những ai được chặt dứt, Dòng nước khó vượt qua, Sự say đắm sự vật, Thân ái và tốt dẹp, Họ viên tịch Niết-bàn, Không có chút dư s6t, Họ vượt qua đau khổ, Không còn chút dư tàn. Những bậc Thánh đã thấy, Bậc trí tuệ hiểu biết, Là những bậc Hiền trí, Thấy được nhờ chánh trí, Do họ thắng tri được, Sự diệt tận của sanh, Nên họ không đi đến5 Sanh đi rồi sanh lại. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

42XemMIII.223;5. III. 14. 43 Chủ giải giải thích 7 loại trói bụộc là ái, kiến, mạn, phẫn nộ, vô minh, phiền não và ác hạnh; cũng giải thích la 7 tuy miên tham, sân, kiến, nghi, mạn, hiru ai và vô minh.

§7. KINH TRÓI BUỘC CỦA DỤC (Kãmayogasutta) ựt. 95) 96. Điều này đã được Thế Tôn nói đến9 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo5 những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu là những bậc đến lại, đi đến lại đời này. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các Tỷ-kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ây là hạng Bât lai, không trở lui lại đời này nữa. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục5 chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Những ai bị nhiếp phục, Bởi trói buộc của dục, Bởi trói buộc của hữu, Bởi trói buộc cả hai, Chúng sanh ấy đi đến, Luân chuyên trong luân hôi, Họ đi đến sanh tử. Những ai đoạn tận dục, Nhung chưa đạt thành được, Sự diệt tận lậu hoặc, Họ còn bị nhiếp phục, Bởi trói buộc của hữu, Họ được gọi Bất lai. Những ai chặt đứt được, Mọi nghi hoặc phân vân, Đoanr tận " r được kiêu mạn? Đoạn tận được tái sanh, Chăc chăn trong đời này, Họ đi đến bờ kia, Vì họ đã đạt tói, Sự đoạn diệt lậu hoặc. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH GIỚI TỐT LÀNH (Kalyãụasĩlasuttd)^ (96) 97. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo5 một Tỷ-kheo có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành, được gọi trong Pháp và Luật

này là vị toàn hảo. Này các Tỷ-kheo, thế nào là có giới tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo? vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Pãtimokkhă), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lánh.

44 Tham chiếu: Dh. V. 391; Pháp cú kinh ^Phạm chí phẩm^, (T.04. 0210.35. 0572Ồ20); Xuất dỉệụ •“ ý phm"(T.04.,0212.32. 0758cl2); Xuất diệu kinh phẩm,, (T.04. 0212.33. 0764cl5); Xuất diệu kinh phẩn?5 (T.04. 0212.34. 0768cỊ4); Pháp tập yếu tụng kinh t4Bật-sô ph^ (7.04.0213.32. 0796b 16); Pháp tập yếu tụng kình t4Phạm chíphẩm^, (T.04. 0213.33. 0798a01).

Và thế nào là có pháp tốt lành? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chuyên chú tu tập bảy pháp giác chi; như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành. Và thế nào là có tuệ tốt lành? Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do diệt trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tam giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành. Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Ai với thân, với lời, Với ý không phạm lỗi, Vị ấy giới tốt lành, Được gọi là Tỷ-kheo, Có tàm, sợ tội lỗi. Ai pháp khéo tu tập, Những pháp giúp đạt đên9 Chứng được quả Bồ-đề? Vị ấy pháp tốt lành, Được gọi là Tỷ-kheo, Không có dục trào ra. Ai quán tri đau khổ, Ở đây diệt trừ khổ, Vị ấy tuệ tốt lành, Được gọi là Tỷ-kheo? Không có các lậu hoặc. Đầy đủ những pháp ấy, Thoát khỏi sự phiền muộn, Chặt đứt mọi nghi ngờ? Không luyến ái tham đắm, Mọi sự vật ở đời, Vị ấy được xưng gQÌ, r Vị đoạn tận tât cả. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH BỐ THÍ (Dãnasuttà) ựt. 98) 98. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí: Bố thí tài vật và bố thí pháp; này các Tỷ-kheo, đây là bố thí tối thượng trong hai loại bố thí này, tức là bố thí pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này: Phân phát tài vật và phân phát pháp; này các Tỷ-kheo, đây là phân phát tôi thượng trong hai loại phân phát này, tức là phân phát pháp. Này các Tỷ-kheo5 có hai loại nhiêu ích này, nhiêu ích tài vật và nhiêu ích pháp; này các Tỷ-kheo, đây là nhiêu ích tôi thượng trong hai loại nhiêu ích này, tức là nhiêu ích pháp. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Điều được gọi bố thí, Thù thắng và vô thượng, Và sự phân phát nào, Được Thế Tôn tán thán, Với tâm tư tín thành, Trong ruộng phước tối thượng, Bậc trí rõ biết vậy5 Ai lại không cúng dường?

Ai làm được cả hai, Nói lên và lắng nghe, Với tâm tư tịnh tín, Trong lời dạy Thiện Thệ, Lợi ích ấy của họ? Là tối thắng thanh tịnh, Những ai không phóng dật, Trong lời dạy Thiện Thệ. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH BA MINH (Tevijjasutta)45 ựt. 98) 99. Điều này đã được Thế Tôn nói đến9 đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: "Một Bà-la-môn có được Ba minh4647 một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.,4? Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng: "Một Bà-la- môn có được Ba minh một cách đúng pháp5 không phải ngưởi nào khác được gọi vậy chỉ vì ngưòd này bập bẹ nói lên" Ở dây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời quá khứ, ví như một đời5 hai đời9 ba đời? bốn đời? năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi dời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời5 hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời5 nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chô nọ. Tại chô ây, ta có tên như thê này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây?5 Như vậy9 Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là Minh thứ nhất vị ấy chứng đạt; vô minh diet, minh sanh, tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ây sông không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo với thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, thây sự sông và chêt của chúng sanh. Vị ây biêt rõ răng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này5 sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh vê thân, vê lòi, vê ý9 không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh

45 Tham chiếu: M. II. 133, 196; § I. 356,375; A. I. 163, 166; Dh. V. 423; 5«. H5; Thĩg. V. 63; Pháp củ z"?hạ chí phẩm" (T.04. 0210.35. 0572b20); Xuất diệu kỉnh "Phamchi phlnf th (r.04. 0212.34. 0768cl4); Pháp tập yếu tụng kinh t4Phạm chí pham?, (r.04.02l3.33.0798a0l). ' 46 Vị Bà-la-môn Ba minh được nói đến ở D. I. 81; 4 I. 165. 47 Có thể chỉ cho những người đọc chú.

kiên; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ9 kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là Minh thứ hai vị ấy chứng đạt; vô minh diệt, minh sanh, tôi tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ây sông không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ? chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Đây là Minh thứ ba vị ấy chứng đạt; vô minh diet, minh sanh, tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bô răng: "Một Bà-la-môn có được Ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này

bập bẹ nói len?9 Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Ai biết được đời trước, Thấy thiên giới, đọa xứ, Vị ấy đạt sanh diệt, Thật là bậc Ẩn si, Đã thành tựu thắng trí. Ba minh này thành tựu, Là Phạm chí Ba minh, Ta gọi vị như vậy9 Chính là bậc Ba minh, Chớ không phải ai khác, Do nói lời bập bẹ. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

CHƯƠNG IV BỐN PHÁP (CATUKKANIPẴTA)

§1. KINH PHÁP TẾ Tự BÀ-LA-MÔN (Brãhmanadhammayãgasuíta) 1 ựt. 101) 100. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà"la-môn, Người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, Vô thượng y sĩ chữa trị, y sĩ giải phẫu. Các ngươi thật là con của Ta, từ miệng sanh, từ pháp sanh, từ pháp tạo thành, thừa tự pháp, không thừa tự tài vật. Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí: Bố thí tài vật và bố thí pháp; này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai loại bố thí này, tức là bố thí pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này: Phân phát tài vật và phân phát pháp; này các Tỷ-kheo? đây là tối thượng trong hai loại phân phát này, tức là phân phát pháp. Này các Tỷ-kheo5 có hai nhiêu ích này: Nhiêu ích tài vật và nhiêu ích pháp; này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai loại nhiêu ích này, tức là nhiêu ích pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này: Tế tự tài vật và tế tự pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tôi thượng trong hai loại tê tự này, tức là tê tự pháp. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Ai tế tự Chánh pháp, Tế tự, không xan tham, Như Lai có lòng từ, Đối tất cả sinh vật5 Bậc tối thắng như vậy, Giữa chư thiên, loài người, Chúng sanh kính đảnh lễ5 Vị đã vượt qua được, Vượt qua dòng sanh hữu, Đến được bờ bên kia. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH ĐƯỢC LỢI DỄ DÀNG (Sulabhasuttă) ựt. 102) 101. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

1 Xem M. II. 146, Selasutta (Kỉnh Seỉa), số 92; Sn. 102, Selasutta (Kinh Sela); Mỉln. 183, 215, 225.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn? Trong các loại y, này các Tỷ-kheo, y phấn tảo lượm từ đống rác là ít oi, dễ được và không phạm lỗi. Trong các loại để ăn, này các Tỷ-kheo, đi khất thực từng miếng là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các sàng tọa, này các Tỷ-kheo, gốc cây là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại dược phẩm, này các Tỷ-kheo, nước tiểu hôi là ít oi, dễ được, không có phạm lỗi. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ít oi, dễ được, không có phạm lỗi nào. Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo biêt đủ với các loại ít oi, dê được này, Ta tuyên bô răng đây là một chi phân Sa-môn hạnh của vị ây. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Biết đủ với sự vật, ít oi dễ tìm được, Lại không có phạm tội, Tâm không bị phiền nhiễu, về vấn đề sàng tọa, Y áo và ăn uông; Tâm không bị lo lắng, Vê phương hướng phải di, Các pháp được tuyên bô5 Thuận lợi Sa-môn hạnh, Họ được có đầy đủ? Với Tỷ-kheo biết đủ? Với vị không phóng dật. Ý nghĩa này

được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH DIỆT TẬN LẬU HOẶC (Ẅsavakkhayasutta)2 ựt. 103) 102. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy; không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỷ-kheo? cho người biết gi, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc? Này các Tỷ-kheo5 cho người biết, cho người thấy rằng: 66Đây là khổ5\ là sự diệt tận các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo? cho người biết, cho người thấy rằng: uĐây là khổ tập5\ là sự diệt tận các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: 6'Đây là khổ diệt5\ là sự diệt tận các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: 6CĐây là con đường đưa đến khổ diet", là sự diệt tận các lậu hoặc. Như vậy, này các Tỷ-kheo9 cho người biết, cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Vị Hữu học học tập, Hành trì đường chánh trực, Trong diệt tận ác pháp, Là trí bậc thứ nhất. Tiếp đến là chánh trí, Chánh trí này vô thượng,

2 Xem It. 53, Indrỉyasutta (Kỉnh Cdn); M. I. 6, Sabbãsavasutta (Kinh Tất cả lậu hoặc), số 2; 5. III. 152, Vãsịịatasutta (Kinh Cán búa); s. IV. 434, Ẅsavakkhayasutta (Kỉnh Đoạn tận các ỉậu hoặcỴ A. I. 231, Sekkhasutta (Kinh Hữu học).

Tiếp theo chánh trí ấy, Chính là sự giải thoát, Giải thoát trí vô thượng, Khởi trí về diệt tận, Rằng các loại kiết sử, Được đoạn tận ở dây, Không phải kẻ biếng nhác, Kẻ ngu không biết gì, Có thể chứng ngộ được, Niết-bàn vô thượng này? Sự giải thoát hoàn toàn, Tất cả mọi trói buộc. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH SA-MÔN HAY BÀ-LÀ-MÔN (Samanabrãhmanasutta) ựt. 104) 103. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: "E)ây là khổ5\ không như thật quán tri: uĐây là khổ tap", không như thật quán tri: "Dây là khổ diet", không như thật quán tri: 6CĐây là con đường đưa đến khổ diet" những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo5 như thật quán tri: ẾÍĐay là khổ9\ như thật quán tri: "Bây là khổ tập", như thật quán tri: "Dây là khổ diet", như thật quán tri: "Bây là con đường đưa đến khổ diet", thời này các Tỷ-kheo? các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trứ mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Những ai không quán tri5 Khổ và khổ tập khởi, Ở đấy khổ hoàn toàn, Được đoạn tận không du, Và không biết đường ấy? Đưa đến chỉ tịnh khổ. Những vị ây không có? Tâm và Tuệ giải thoát, Họ không thể chấm dứt, Phải đi đến sanh già.

Những vị nào quán tri, Khổ và khổ tập khởi, Ở đấy khổ hoàn toàn, Được đoạn tận không du, Rõ biết con đường ấy, Đưa đến chỉ tịnh khổ. Tâm giải thoát thành tựu, Và cả Tuệ giải thoát, Họ có thể chấm dứt, Không đi đến sanh già. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

278 KINH TIÊU Bộ

§5. KINH ĐẦY ĐỦ GIỚI (Sĩlasampannasutía) (It. 106) 104. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào đầy đủ gi&i, đầy đủ định? đày đủ tuệ5 đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến; những vị giáo giới, những vị giảng dạy, những vị tuyên bố? khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, những bậc xứng đáng thuyết minh Diệu pháp, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bô rằng chỉ thấy các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ- kheo, Ta tuyên bô răng chỉ nghe các vị như vậy là lợi ích nhiêu cho các Tỷ-kheo ây; này các Tỷ-kheo5 Ta tuyên bô răng chỉ đi đên yêt kiên các vị như vậy là lợi ích nhiêu cho các Tỷ-kheo ây; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bô răng chỉ thân cận các vị như vậy là lợi ích nhiêu cho các Tỷ-kheo ây; này các Tỷ-kheo? Ta tuyên bố rằng chỉ nhớ nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bô răng chỉ tùy theo các vị như vậy xuất gia là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, khi phục vụ, cộng sự9 thân cận những Tỷ-kheo như vậy, thời giới uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, định uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, tuệ uẩn chưa được đầy đủ đi đến tu tập đầy đủ, giải thoát uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ5 giải thoát tri kiến uân chưa được đây đủ đi đên được tu tập đây đủ. Này các Tỷ-kheo, những Tỷ- kheo như vậy được gọi là những bậc Đạo sư, được gọi là những người dẫn đầu đoàn lữ hành, được gọi là những vị đã từ bỏ những nguyên nhân tác hại, được gọi là những vị quét sạch tối tăm9 được gọi là những vị tác thành minh, được gọi là những vị tác thành quang, được gọi là những vị tác thành ánh sáng, được gọi là những vị cầm bó đuốc, được gọi là những vị phóng quang, được gọi là những bậc Thánh, được gọi là những người có mắt. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Đây là căn cứ địa? Tạo ra sự khinh an? Chính nhờ hiểu biết vậy, Tức là đối tự ngã, Những vị có tu tập, Là những bậc Hiền Thánh, Sống đúng theo Chánh pháp, Họ chói sáng Diệu pháp, Họ nói lên Diệu pháp, Họ phóng được hào quang, Là những bậc có trí, Tác thành ra ánh sáng, Họ là người có mắt? Họ từ bỏ nguyên nhân, Tạo ra điều tác hại, Bậc trír với chánh trí, , Nghe lời dạy vị ấy, Do thăng tri sanh diệt, Không đi đến tái sanh. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 279

§6. KINH ÁI SANH (Tanhuppãdasutta)3 ựt. 109) 105. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái9 ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nao là bốn? Do nhân y áo, này các Tỷ-kheo? ái sanh khởi cho Tỷ-kheo. Do nhân đồ ăn khất thực, này các Tỷ-kheo5 ái khởi sanh cho Tỷ-kheo. Do nhân sàng tọa, này các Tỷ-kheo, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo. Do nhân sanh hữu, không sanh hữu, này các Tỷ-kheo, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo. Này

các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái, ở dây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài, Nó không vượt luân hồi, Đời này qua đời khác. Do biết nguy hại vậy, Ái tác thành ra khổ, Không còn có khát ái, Không còn có chấp trước, Vị Tỷ-kheo chánh niệm, Du hành khắp đó đây. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH CÓ PHẠM THIÊN (Sabrahmakasuttă)4 ựt. 109) 106. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo5 trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có Phạm thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có các vị thiên đầu tiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo9 trong ấy, các con cải kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có các đạo sư đầu tiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có các bậc đáng được cúng dường. Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các vị thiên đầu tiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các đạo sư đàu tiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các bậc đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

3 Xem It. 8, Tanhasamyojanasutta (Kinh Ai kiết sử); A. II. 10, Tanhuppãdasutta (Kinh Ai sanh)} Sn. 139, Dvayatãnupassanãsutta (Kỉnh Hai tùy quản); J. IV. 351, Mahãvãnỉjạjãtaka (Chuyện vị đại thương nhan), so §493. 4 Xem s. I. 181, Mãtuposakasutta (Kinh Mãtuposakà); A. I. 132, Sabrahmasutta (Kỉnh Cộ Phạm thiên); A. II. 70, Brahmasutta (Kinh Phạm thiên); J. V. 317, Sonanandcỳãtaka (Chuyện hai Hiên giả Sona và Nanda), số)§532.

Mẹ cha gọi Phạm thiên, Bậc đạo sư đâu tiên, Xứng đáng để con cháu, Thương yêu và cúng dường. Do vậy bậc Hiền triết, Đảnh le và tôn trọng, Dâng đồ ăn đồ uống5 Vải mặc và giường nằm5 Thoa bóp cả thân mình, Tắm rửa cả chân tay. Với sở hành như vậy, Đối với mẹ và cha, Đời này người hiền khen, Đời sau hưởng thiên lạc. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH RẤT CÓ LỢI ÍCH (Bahukãrasuttà) 5 ựí. 111) 107. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo? các Bà-la-môn gia chủ rât có lợi ích cho các ông, chính họ đã săp đặt y áo, đô ăn khât thực, sàng tọa, dược phâm trị bệnh cho các ông. Này các Tỷ-kheo, các ông cũng rất có lợi ích cho các người Bà-la-môn gia chủ, vì các ông thuyêt pháp cho họ; pháp ây sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn? có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống, do tương duyên với nhau, với mục đích vượt qua dòng nước mạnh, đoạn tận khổ đau. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Có nhà và không nhà, Cả hai nương tựa nhau,

Chứng đạt được Diệu pháp, Ách an ổn vô thượng. Từ các vị có nhà, Vị không nhà nhận được, Y áo, các vật dụng, Giường năm và chô ngôi, Nhờ vậy tránh khỏi được, Các nguy hiểm nhọc nhằn. Các vị trú gia đình, Ước mong có gia dinh, Nương tựa bậc Thiện Thệ, Lòng tin bậc ứng Cúng, Lòng tin Thánh trí tuệ; Họ tu tập thiền đĩnh. Ở đay hành trì pháp5 Con đường đến cõi lành, Hân hoan trong thiên giới, Họ sống được hoan hỷ, Như điều họ mong muốn. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH LỪA ĐẢO (Kuhasutta)6 ựt. Il2) 108. Điều này đã được Thế Tôn nói dến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: 5 Xem A. I. 152, Pabbatarậịasutta (Kinh Vua Tuyết sơn); A. III. 44, Mahãsãlaputtasutta (Kinh Cây Sa-la lởn). 6 Xem A. II. 26, Kuhasutta (Kinh Kẻ lừa dổí).

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 281

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào lừa đảo, ngoan cố, lắm mồm lắm miệng; buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo? các Tỷ- kheo ấy không phải đệ tử của Ta; này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy rơi khỏi Pháp và Luật này; và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa đảo, không ngoan cố, không lắm mồm lắm miệng, nghiêm trang, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta; này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rơi khỏi Pháp và Luật này; và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Lừa đảo và ngoan cô, Lăm môm và buông thả, Hỗn hào9 không định tinh, Những hạng người như vậy, Không lớn mạnh trong pháp, Được bậc Chánh giác giảng. Không lừa đảo? lắm mồm, Nghiêm trang và bình tĩnh, Không ngoan cố, khéo định, Họ lớn mạnh trong pháp, Được bậc Chánh giác giảng. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH DÒNG SÔNG (Nađỉsotasutta) ựt. 113) 109. Điều này đã được Thế Tôn nói đến? đã được bậc A-la-hán nói đến vả tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòn^ sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói răng: "Này người kia, tuy ĩiệười bị cuốn trôi bởi dòng song âẹp đẽ, dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hô, đầy sóng và nước xoáy? đầy cá sâu và quỷ la-sát, nếu ông đến chỗ ấy, ông sẽ bị chết hay đau khổ gần như chết." Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền nỗ lực dùng tay và chân bơi ngược dòng. Này các Tỷ-kheo5 Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa, ở đây, ý nghĩa là như sau: Dòng sông, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ái. sắc khả ái, dễ thương, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Cái hồ ở dưới, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm hạ phần kiết sử. S6ng, này các Tỵ-kheo, là đong nghĩa với phẫn nộ, ưu não. Nước xoáy, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục tăng trưởng. Cá sấu và quỷ la-sát, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với đàn bà. Ngược dòng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa xuất ly. Nỗ lực dùng tay và chân là đồng nghĩa với tinh cân tinh tân. Người có mắt đứng trên bờ9 này các Tỷ-kheo, là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Cùng với sự đau khổ, Hãy từ bỏ các dục, Mong cầu trong tương lai? An ổn khỏi khổ ách;

Chơn chánh hiểu biết rõ, Tâm khéo được giải thoát, Tại đấy ở tại dấy, Chứng đạt được giải thoát; Vị ấy đạt hiểu biết, Phạm hạnh được thành tựu, Đến tận cùng thế giới? Đến được bờ bên kia, Vị ây được gọi vậy. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§11. KINH HÀNH (Carasuttdf (It. 115) 110. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: Này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo khi đang di, khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm; và nêu Tỷ-kheo châp nhận, không có từ bỏ? không có tây sạch, không có chấm dứt, không đi đến không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang di, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tâm, không có sợ hãi tội lỗi9 liên tục thường hằng biếng nhác? tinh tấn hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... khi đang ngồi... khi đang nằm thức, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm; và nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tây sạch, không có châm dứt, không đi đên không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức, có sở hành như vậy? vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tâm, không có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt. Này các Tỷ-kheo5 nếu Tỷ-kheo khi đang đi, khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm; và nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch5 chấm dứt, đi đến không hiện hữu, thì này các Tỷ-kheo9 nếu Tỷ-kheo khi đang di, có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... Này các Tỷ- kheo, nêu Tỷ-kheo khi đang năm thức, khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm; và nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ b6, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu thì này các Tỷ-kheo, nêu Tỷ-kheo khi đang năm thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tâm, có sợ hãi tội lỗi9 liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn5 siêng năng. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩã này. Ở đây, điều này được nói đến: Khi đi hoặc khi dứng, Khi ngồi hay khi nằm, Khởi lên ác tâm tư, Liên hệ đến gia dinh, Thực hành theo ác đạo, Mờ ám bởi si mê, Vị Tỷ-kheo như vậy? Không chứng Vô thượng giác. Ai khi đi khi dứng, Khi ngồi hay khi nằm,

7 Xem 4 II. 13, Carasutta (Kỉnh Hành).

Tập trung được tâm tư, ưa thích tầm chỉ tịnh, Vị Tỷ-kheo như vậy, Chứng được Vô thượng giác. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§12. KINH ĐẦY ĐỦ GIỚI (Sampannasĩasuttdỷ ựt. 118) 111. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: - Nay các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới9 đầy đủ Giới bổn (Pãtimokkha), được chế ngự với chế ngự Giới bổn; hãy sống đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi ĩihỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ Giới bổn, được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chập nhận và học tập trong các học pháp, còn có gì cân phải làm thêm nữa? Nếu Tỷ-kheo trong khi di, tham được từ bỏ5 sân được từ bỏ, hôn trầm thụy

miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ- kheo trong khi đi, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng. Nếu Tỷ-kheo trong khi đứng... nếu Tỷ-kheo trong khi ngồi... nếu Tỷ-kheo trong khi năm thức, tham được từ bỏ, sân được từ bỏ, hôn trâm thụy miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ? nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đang nằm thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người nhiệt tâm, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở dây, điều này được nói đến: Đi đứng biết tự chế, Ngồi nằm biết tự chế, Tỷ-kheo biết tự chế, Khi co tay duỗi tay, Phía trên, ngang, cùng khắp, Xa cho đến cùng tột, Bất cứ sanh thú nào, Ở tại thế giới này, Khéo quán sát sanh diệt, Của tât cả pháp, uân, Sống như vậy nhiệt tâm, Tâm chỉ tịnh đúng pháp, Tâm an tịnh không động, Thường xuyên chuyên học tập, Tâm luôn hướng Niết-bàn, Tỷ-kheo được gọi vậy. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

8 Xem D. III. 207, Sangĩtỉsutta (Kình Chủng tập), số 33; D. III. 272, Dasuttarasutta (Kinhy Thập thượng), số 34; A. II. 14, Sĩlasutta (Kinh Giới); A. V. 23, Pathamanãthasutta (Kinh thứ nhất về vị hộ trĩ); A.N. 131, Ẫkankhasutta (Kinh Ước nguyện).

§13. KINH THẾ GIỚI (Lokasuttdỷ qt. 121) 112. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe: -Này các Tỷ-kheo, thê giới được Như Lai chánh đăng giác, Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đăng giác, thê giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các Tỷ-kheo? con đường đưa đên thê giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã tu tập. Cái gì, này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với thiên gi&i, Ma gi&i, Phạm thiên giới, cùng với quàn chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người được thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được xúc chạm, được thức tri, được đạt đên, được tâm câu, được ý tư sát, tât cả đêu được Như Lai chánh đăng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm nhập Niết-bàn không có dư y, trong thời gian ây5 điêu gì Ngài nói, tuyên bô, nêu rõ lên, tât cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, Ngài được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì răng nói gì làm vậy? làm gì nói vậy nên Ngài được gọi Như Lai. Này các Tỷ-kheo? trong toàn thể thế giới, thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quân chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Chiến Thắng, không bị chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại; do vậy, Ngài được gọi là Như Lai. Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến: Thắng tri mọi thế giới, Mọi thế giới như thật, Ly hệ mọi thế giới, Không luyến mọi thế giới, Thắng tất cả? bậc trí,

Giải thoát mọi buộc ràng, / • r

Chứng đạt tôi thăng tịnh, Niết-bàn không sợ hãi, Vị này đoạn lậu hoặc; Bậc Giác Ngộ Trí Giả, Không dao động, nhiễu loạn, Nghi ngờ được chặt dứt, Đoạn diệt tận mọi nghiệp, Giải thoát, diệt sanh y. Là Thế Ton, là Phật, Bậc Sư Tử Vô Thượng, Trong thế giới thiên giới, Chuyển bánh xe Phạm luân; Như vậy loài trời, người, Đến quy y đức Phật, Gặp nhau đảnh lễ Ngài, Vĩ đại, đầy tự tin, Điều phục? bậc Tối Thượng, Trong người được điều phục; An tịnh, bậc Ẩn Sĩ, Những người được an tịnh;

9 Tham chiếu: A. II. 23, Lokasutta (Kinh Thế giỉ)\ Thế gian kỉnh (TOI. 0026.137. 0645ỒỒ09).

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY 285

Giải thoát, bậc Tối Thượng, Những người được giải thoát; Vượt qua, bậc Tối Thắng, Những người được vượt qua; Như vậy họ lễ Ngài, Vĩ đại, đầy tự tin, Thiên giới, thế giới này, Không ai được bằng Ngài. Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.